

UBND TỈNH TUYÊN QUANG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH TÂM LÝ HỌC**

Tuyên Quang, năm 2022

MỤC LỤC

	Trang
1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	4
1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo.....	4
1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo.....	5
2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH.....	5
2.1. Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu giáo dục của Trường Đại học Tân Trào.....	5
2.1.1. Tầm nhìn.....	5
2.1.2. Sứ mạng.....	5
2.1.3. Mục tiêu giáo dục	5
2.2. Tầm nhìn - Sứ mạng của Khoa Tâm lý giáo dục và Công tác xã hội.....	6
2.2.1. Tầm nhìn.....	6
2.2.2. Sứ mạng.....	6
2.3. Mục tiêu của chương trình.....	6
3. CHUẨN ĐẦU RA.....	6
4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM & KHẢ NĂNG PHÁT TRIỂN NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ.....	8
5. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP	8
5.1. Thông tin tuyển sinh.....	8
5.2. Quy trình đào tạo.....	8
5.3 Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp.....	8
6. ĐỘI NGŨ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY.....	8
6.1. Đội ngũ giảng viên.....	8
6.2. Cơ sở vật chất	9
7. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP.....	9
7.1. Các phương pháp dạy học	9
7.2. Một số kỹ thuật dạy học tích cực.....	11
7.3. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học	11
8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ.....	12

8.1. Quy trình đánh giá	12
8.2. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá	13
9. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH.....	13
9.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa.....	13
9.2. Ma trận chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	14
9.3. Nội dung chương trình	19
9.4. Kế hoạch giảng dạy	25
9.5. Bản đồ dạy học	30
9.6. Mô tả tóm tắt nội dung học phần	31
10. SO SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	50
11. PHÊ DUYỆT BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO/THỜI ĐIỂM ĐIỀU CHỈNH BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	52
12. PHỤ LỤC.....	53
12.1. Bản Chương trình đào tạo được phê duyệt	
12.2. Bộ Đề cương chi tiết học phần	
12.3. Hồ sơ xây dựng chuẩn đầu ra (phiếu khảo sát, bảng tổng hợp ý kiến các bên liên quan, biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Quyết định ban hành Chuẩn đầu ra).....	
12.4. Hồ sơ xây dựng chương trình đào tạo (Phiếu khảo sát, bảng tổng hợp ý kiến các bên liên quan, biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Quyết định ban hành Chương trình đào tạo).....	
12.5. Hồ sơ tham khảo các chương trình trong nước và quốc tế (Báo cáo tổng hợp, các chương trình tham khảo).....	

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học ngành Tâm lý học (chuyên ngành Tham vấn tâm lý) của Trường Đại học Tân Trào ban hành vào năm 2020. Đây là một ngành học tuyển sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT và được sử dụng đào tạo liên tục hằng năm kể từ khi ban hành đến nay. CTĐT được cập nhật, chỉnh sửa lần đầu tiên được xây dựng trên cơ sở tham khảo CTĐT của một số trường đại học trong nước hiện đang đào tạo ngành Tâm lý học; Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13, Luật Giáo dục số 43/2019/QH14, ngày 14/6/2019; Quyết định số 1982/QĐ-TTg, ngày 18/10/2016 về Khung trình độ quốc gia Việt Nam; Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà sinh viên đạt được sau khi tốt nghiệp với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; Quyết định số 667/QĐ-ĐHTT ngày 25/08/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học.

CTĐT được thiết kế theo hướng phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo của người học, tích hợp chuyên môn và nghiệp vụ, tạo điều kiện thuận lợi cho người học sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhiệm tốt những công việc phù hợp với chuyên ngành được đào tạo. Chương trình được rà soát, điều chỉnh định kỳ 2 năm/lần theo hướng giảm tính hàn lâm, tăng cường ứng dụng, thực hành, gia tăng sự kết nối, tích hợp giữa các môn học, các nội dung học tập đảm bảo phù hợp với yêu cầu của xã hội và ngành giáo dục. Qua mỗi lần rà soát, CTĐT được cập nhật những vấn đề mới nhất liên quan đến Tâm lý học nói riêng và của ngành giáo dục nói chung. Đặc biệt, chương trình chỉnh sửa năm 2022 được cập nhật một cách khoa học theo hướng tiếp cận năng cao thực hành cho người học. Tài liệu học tập được cập nhật và phù hợp. Đề cương chi tiết (ĐCCT) của CTĐT đầy đủ thông tin tường minh để người học và các bên liên quan dễ tiếp cận.

CTĐT đào tạo Tâm lý học chú trọng tới các vấn đề sau đây và đã đạt được các kết quả:

- Đảm bảo chất lượng, hướng tới sự đầu tư chuyên sâu của giảng viên, đảm bảo sự đóng góp của mỗi học phần cho chuẩn đầu ra của CTĐT; tăng cường công tác đổi mới phương pháp dạy học góp phần phát triển các năng lực cho sinh viên và vận dụng trong công tác dạy học sau này ở cấp tiểu học; thúc đẩy tinh thần tự học, sáng tạo, chủ động trong việc học tập, rèn luyện, phát triển các kỹ năng cho bản thân.

- Tài liệu giảng dạy được lựa chọn đảm bảo tính cập nhật, tạo điều kiện cho sinh viên phát huy khả năng tự học đối với mỗi học phần trong CTĐT.

- Việc rèn nghề, thực hành nghề nghiệp của sinh viên được chú trọng trong đào tạo trên cơ sở khai thác sự phối hợp, hỗ trợ tối đa của các cơ sở thực hành, thực tập chuyên ngành tham vấn tâm lý trong và ngoài tỉnh; chú trọng các môn học tiềm

năng cho việc phát triển năng lực hội nhập quốc tế, các kỹ năng xã hội cần đối với người làm công tác tâm lý như: ngoại ngữ, công nghệ thông tin, kỹ năng mềm, kỹ năng giao tiếp, các kỹ năng khởi nghiệp cần thiết...

1.2. Thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chương trình (Tiếng Việt): Tâm lý học
- Tên chương trình (Tiếng Anh): Psychology
- Mã ngành đào tạo: 7310401
- Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Tân Trào
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp: Cử nhân ngành Tâm lý học.
- Trình độ đào tạo: đại học
- Thời gian đào tạo: 04 năm

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

Mục tiêu được xây dựng phù hợp với Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu chiến lược của Trường Đại học Tân Trào; tương thích, phù hợp với Tầm nhìn - Sứ mạng của Khoa Tâm lý giáo dục và Công tác xã hội, nhằm bồi dưỡng con người và phát triển nghiên cứu khoa học mang tính ứng dụng đáp ứng các nhu cầu xã hội.

2.1. Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu giáo dục của Trường Đại học Tân Trào

2.1.1. Tầm nhìn

"TTrU sẽ trở thành một trung tâm phát triển bền vững, làm biến đổi cuộc sống và phục vụ cộng đồng"

2.1.2. Sứ mạng

"TTrU là cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ nâng cao chất lượng cuộc sống và xây dựng đất nước"

2.1.3. Mục tiêu giáo dục

"Đào tạo người học có kiến thức và kỹ năng chuyên môn của chuyên ngành được đào tạo một cách vững chắc và thực tiễn, có phẩm chất chính trị, có đạo đức tốt, đáp ứng các chuẩn mực cần thiết của người lao động trong nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN và theo xu thế hội nhập nền kinh tế thế giới. Người học được trang bị các kiến thức cơ sở ngành đào tạo để có khả năng nghiên cứu, cập nhật công nghệ mới, khả năng tự học suốt đời trong môi trường công tác sau khi ra trường; có kỹ năng thực hành chuyên sâu và chuyên nghiệp của chuyên ngành được đào tạo, đủ khả năng hành nghề, khả năng tạo việc làm và phát triển sự nghiệp; được trang bị các kỹ năng và phẩm chất của người lao động hiện đại, chú trọng các kỹ năng giao tiếp,

kỹ năng hợp tác làm việc nhóm, sự tự tin và chủ động trong vị trí công tác được xã hội phân công".

2.2. Tầm nhìn - Sứ mạng của Khoa Tâm lý giáo dục và Công tác xã hội

2.2.1. Tầm nhìn Khoa Khoa Tâm lý Giáo dục & Công tác xã hội

Khoa là đơn vị đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế và chuyển giao tri thức hiện đại đáp ứng yêu cầu phát triển trường Đại học Tân Trào và nhu cầu xã hội.

2.2.2. Sứ mạng Đến năm 2030

Khoa Tâm lý Giáo dục & Công tác xã hội sẽ trở thành một trung tâm đào tạo và nghiên cứu phát triển bền vững, có uy tín và đạt trình độ tiên tiến trong khu vực.

2.3. Mục tiêu của chương trình

- Mục tiêu chung:

Đào tạo cử nhân Tâm lý học có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, có tinh thần say mê yêu nghề, nắm vững kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành về tham vấn tâm lý.

- Mục tiêu cụ thể:

MT1: Có kiến thức về lý luận chính trị, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất, kiến thức khoa học xã hội, ngoại ngữ và công nghệ thông tin.

MT2: Có kiến thức cơ bản, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành để phát hiện và giải quyết các vấn đề tâm lý cá nhân và xã hội.

MT3: Có kỹ năng đánh giá, chẩn đoán, sử dụng một số liệu pháp tâm lý để tham vấn tâm lý cho cá nhân và nhóm, can thiệp và dạy học sinh khuyết tật theo hướng hòa nhập.

MT4: Có kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, phát hiện và giải quyết các vấn đề trong hoạt động tham vấn tâm lý.

MT5: Có phẩm chất, đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, tính kỷ luật, tác phong làm việc độc lập, cầu thị, năng động và sáng tạo.

3. CHUẨN ĐẦU RA

Sinh viên tốt nghiệp ngành Tâm lý học đạt được những chuẩn đầu ra sau:

3.1. CĐR về kiến thức

CĐR1. Vận dụng những kiến thức về lý luận chính trị, quốc phòng – an ninh, giáo dục thể chất để thực hiện tốt những chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

CĐR2. Vận dụng kiến thức về khoa học xã hội, tin học và ngoại ngữ vào lĩnh vực tâm lý học.

CĐR3. Vận dụng kiến thức chuyên ngành về các hiện tượng, quy luật tâm lý xã hội, tâm lý học lứa tuổi và sự phạm, tâm lý học trị liệu, lâm sàng để tổ chức các hoạt động tham vấn tâm lý cho cá nhân và nhóm.

CĐR4. Đánh giá được tâm lý, can thiệp tâm lý cho cá nhân, nhóm, cho học sinh trong trường học, cho thân chủ trong các trung tâm tham vấn tâm lý.

CĐR5. Có kiến thức triển khai các hoạt động tham vấn tâm lý; phát triển kiến thức đáp ứng được sự thay đổi của các chương trình đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ về tâm lý học

3.2. CĐR về kĩ năng

- Kĩ năng cứng

CĐR6. Áp dụng các kỹ năng chẩn đoán, đánh giá rối nhiễu tâm lý, sử dụng một số liệu pháp tâm lý...tham vấn tâm lý cho cá nhân và nhóm. Có thể dạy lớp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh, can thiệp và dạy học sinh khuyết tật theo hướng hoà nhập.

CĐR7. Thiết kế và triển khai các phương pháp vào học tập, nghiên cứu và thực hành trong lĩnh vực tham vấn tâm lý tại cơ sở; biết xây dựng, lập hồ sơ tâm lý và lưu trữ hồ sơ về quá trình tham vấn. Có năng lực xây dựng mục tiêu, kế hoạch, khả năng đưa ra quyết định, thúc đẩy và quản lý các hoạt động tham vấn tâm lý.

- Kĩ năng mềm

CĐR8. Có năng lực giao tiếp, thuyết trình, kĩ năng làm việc nhóm và độc lập, đánh giá và giải quyết vấn đề trong hoạt động tham vấn tâm lý, trong dạy học và giáo dục đáp ứng những yêu cầu của xã hội.

CĐR9. Áp dụng các kỹ năng triển khai dự án, khởi nghiệp, quản trị nhân sự trong doanh nghiệp xã hội, tập huấn chuyên môn và các chương trình truyền thông nâng cao năng lực cho cộng đồng.

CĐR10. Sử dụng tin học và ngoại ngữ đạt tối thiểu trình độ công nghệ thông tin cơ bản được quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT, trình độ tiếng Anh bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam (hoặc tương đương). Có năng lực tự học, tự nghiên cứu, ứng dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ chuyên ngành để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

3.3. CĐR về mức độ tự chủ và trách nhiệm

CĐR11. Tổ chức làm việc độc lập, làm việc nhóm, thích ứng nhanh với sự thay đổi môi trường, tự chịu trách nhiệm cao trong các vấn đề chuyên môn, và khẳng định được bản thân.

CĐR12. Lập kế hoạch, tự nghiên cứu độc lập, phát hiện và giải quyết các vấn đề tốt; linh hoạt chuyển đổi nghề nghiệp, phát huy được tinh thần nghề nghiệp, nâng cao hiệu quả lao động và sáng tạo.

4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ KHẢ NĂNG PHÁT TRIỂN NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ

4.1. Về vị trí việc làm

- Cán bộ/chuyên viên tại các trung tâm cung ứng dịch vụ tham vấn và trị liệu tâm lý độc lập.

- Giáo viên/chuyên viên tại các trường học, bệnh viện, trung tâm tư vấn, các cơ sở và tổ chức xã hội (các cơ sở, cơ quan, tổ chức công và tư nhân).

- Cán bộ/chuyên viên tại các tổ chức chính trị, xã hội, đoàn thể trong nhà nước.

- Giảng viên/chuyên viên tại các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu.

- Cán bộ/chuyên viên tại các tổ chức phi Chính phủ và doanh nghiệp.

4.2. Về khả năng phát triển và nâng cao trình độ

Có thể học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và có khả năng trở thành chuyên gia tham vấn và trị liệu tâm lý.

5. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5.1. Thông tin tuyển sinh

- Đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo đề án tuyển sinh hàng năm của Nhà trường.

- Phương thức tuyển sinh: theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

- Vùng tuyển sinh: Cả nước.

5.2. Quy trình đào tạo

Theo Quyết định số 667/QĐ-ĐHTTr ngày 25/08/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học.

5.3. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp

Theo chương III, Quyết định số 667/QĐ-ĐHTTr ngày 25/08/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học.

6. ĐỘI NGŨ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY

6.1. Đội ngũ giảng viên

- Trường Đại học Tân Trào hiện có số giảng viên cơ hữu trình độ từ thạc sĩ trở lên đảm bảo 100% tham gia giảng dạy CTĐT ngành TLH. Tổng số giảng viên tham gia giảng dạy CTĐT là 23 người, trong đó, giảng viên có trình độ tiến sĩ là 13 chiếm 56,5 %. Thông tin về giảng viên được thể hiện rõ ràng trên mỗi đề cương học phần

thuộc tất cả các kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành của CTĐT.

- Trường Đại học Tân Trào hiện có Trường phổ thông Tuyên Quang là trường thực hành liên cấp, có phòng tư vấn tâm lý đảm bảo công tác thực hành, thực tập sinh viên ngành tâm lý. Trường thực hành có phòng tư vấn với cơ sở vật chất đầy đủ, đội ngũ chuyên gia hướng dẫn có chuyên môn vững vàng, năng động, nhiệt tình đảm bảo chất lượng và hiệu quả tốt.

6.2. Cơ sở vật chất

- Phòng học, giảng đường, cơ sở vật chất và thiết bị phục vụ hiện đại, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ dạy – học.

- Phòng thực hành sinh viên ngành tâm lý học, và phòng tham vấn học đường tại Trường Phổ thông Tuyên Quang có đủ trang thiết bị phục vụ dạy học đầy đủ đảm bảo hoạt động giảng dạy và học tập của người học.

- Thư viện, giáo trình, sách, tài liệu tham khảo đảm bảo phục vụ cho nhu cầu dạy và học thuộc chuyên ngành tâm lý học. Nhà trường kết nối 45 máy tính với Trung tâm Học liệu thuộc Đại học Thái Nguyên, Đại học Hùng Vương để khai thác tài liệu điện tử. Website của nhà trường thường xuyên được cập nhật các thông tin. Gần 400 máy tính nối mạng internet. Hệ thống mạng không dây (wifi) phủ kín trong toàn bộ không gian của Trường. Hiện tại, Nhà trường đang sử dụng nhiều phần mềm trong công tác quản lý như: quản lý đào tạo, quản lý sinh viên, quản lý cán bộ. Tổng diện tích thư viện: 212 m² trong đó diện tích phòng đọc là hơn 100m²; số chỗ ngồi là 150; số lượng máy tính phục vụ tra cứu là 50 máy. Phần mềm quản lý thư viện số GREENSTONE.

7. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

7.1. Các phương pháp dạy học

Ngành Tâm lý học lựa chọn một số phương pháp dạy học cơ bản sau:

- *Thuyết trình*: giảng viên (GV) trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. GV là người thuyết trình, diễn giảng, sinh viên (SV) nghe giảng, ghi chép để tiếp nhận các kiến thức mà GV truyền đạt.

- *Câu hỏi gợi mở*: trong tiến trình dạy học, GV sử dụng các câu hỏi gợi mở, hướng dẫn SV từng bước trả lời câu hỏi. SV có thể tham gia thảo luận theo nhóm để cùng nhau giải quyết các vấn đề đặt ra.

- *Giải quyết vấn đề*: trong tiến trình dạy và học, người học làm việc với vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông qua việc đối mặt với vấn đề cần giải quyết. Qua đó, SV đạt được kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của môn học.

- *Dạy học theo tình huống*: đây là phương pháp hướng đến cách tiếp cận dạy học lấy người học làm trung tâm, để hình thành kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp. Theo phương pháp này, GV liên hệ các tình huống, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu SV giải quyết để hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng nghiên cứu.

- *Phân tích trường hợp*: đây là phương pháp giảng viên đưa ra các trường hợp giả tưởng hoặc có trong thực tế để sinh viên động não, phân tích nội dung và đưa ra các tình huống giải quyết và lập kế hoạch giải quyết vấn đề cho thân chủ.

- *Thực tập, thực hành*: thông qua các hoạt động làm bài tập, thực tập, thực hành tại giảng đường, phòng thực hành tâm lý SV luyện tập, hiểu được môi trường làm việc thực tế của ngành tâm lý học, học hỏi các phương pháp làm việc chuyên nghiệp của người chuyên gia, hình thành kiến thức kỹ năng và cơ hội nghề nghiệp cho SV sau khi tốt nghiệp.

- *Dạy học tương tác*: GV sử dụng kết hợp nhiều hoạt động trong lớp học như đặt vấn đề hay câu hỏi gợi mở, yêu cầu SV thảo luận, tranh luận để giải quyết vấn đề đó. GV với vai trò hướng dẫn SV từng bước giải quyết vấn đề. Từ đó giúp SV nắm vững kiến thức, hình thành và phát triển các kỹ năng xã hội, kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp, đàm phán để đưa ra quyết định.

- *Tâm kịch*: là phương pháp giảng viên và sinh viên xây dựng thành các nội dung vở kịch gắn với đời sống tâm lý của con người để sử dụng các cách tiếp cận tâm lý giải quyết vấn đề cho thân chủ trên cơ sở một vở kịch mà do chính SV trải nghiệm, sắm vai.

- *Thảo luận*: là phương pháp dạy học trong đó SV được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được GV đặt ra. Khác với phương pháp tranh luận, trong phương pháp thảo luận, người học bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình.

- *Làm việc nhóm*: SV được tổ chức thành các nhóm nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác và giảng viên.

- *Phương pháp tự học*: đây là một quá trình giúp SV tự định hướng việc học của mình theo kinh nghiệm học tập của bản thân, có quyền tự chủ và điều khiển hoạt động học thông qua thực hiện các bài tập hay vấn đề mà giáo viên gợi ý, hướng dẫn. Phương pháp tự học được áp dụng chủ yếu là giải bài tập ở nhà (Work Assignment).

- *Phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình*: là phương pháp sử dụng một câu chuyện có thật hoặc chuyện được viết dựa trên những trường hợp thường xảy ra

trong cuộc sống thực tiễn để minh chứng cho một vấn đề hay một số vấn đề. Đôi khi nghiên cứu trường hợp điển hình có thể được thực hiện trên video hay một băng catset mà không phải trên văn bản viết.

- *Phương pháp đóng vai*: là phương pháp tổ chức cho người học thực hành, “làm thử” một số cách ứng xử nào đó trong một tình huống giả định. Đây là phương pháp nhằm giúp người học suy nghĩ sâu sắc về một vấn đề bằng cách tập trung vào một sự việc cụ thể mà các em vừa thực hiện hoặc quan sát được. Việc “diễn” không phải là phần chính của phương pháp này mà điều quan trọng là sự thảo luận sau phần diễn ấy.

- *Phương pháp trò chơi*: là phương pháp tổ chức cho người học tìm hiểu một vấn đề hay thể nghiệm những hành động, những thái độ, những việc làm thông qua một trò chơi nào đó.

7.2. Một số kỹ thuật dạy học tích cực

- *Kỹ thuật đặt câu hỏi*: trong dạy học theo PP cùng tham gia, GV thường phải sử dụng câu hỏi để gợi mở, dẫn dắt người học tìm hiểu, khám phá thông tin, kiến thức, kỹ năng mới, để đánh giá kết quả học tập của người học. Mặt khác, người học cũng phải sử dụng câu hỏi để hỏi lại, hỏi thêm GV và người học khác về những nội dung bài học chưa sáng tỏ.

- *Kỹ thuật động não*: là kỹ thuật giúp cho người học trong một thời gian ngắn nảy sinh được nhiều ý tưởng mới mẻ, độc đáo về một chủ đề nào đó. Các thành viên được cổ vũ tham gia một cách tích cực, không hạn chế các ý tưởng.

- *Kỹ thuật “Lược đồ tư duy” hay “ Sơ đồ tư duy”*: Kỹ thuật này là một hình thức ghi chép sử dụng màu sắc và hình ảnh để mở rộng và đào sâu các ý tưởng. Kỹ thuật này giúp GV và người học trình bày các ý tưởng một cách rõ ràng, suy nghĩ sáng tạo, học tập thông qua biểu đồ, tóm tắt thông tin của một bài học hay một cuốn sách, hệ thống lại kiến thức đã học, tăng cường khả năng ghi nhớ,...

* Ngoài ra, tùy thuộc đặc trưng của từng học phần, giảng viên có thể vận dụng các phương pháp và kỹ thuật dạy học khác phù hợp và hiệu quả.

7.3. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

Các hoạt động cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học gồm:

- Chương trình đào tạo được rà soát định kỳ 2 năm/lần theo hướng điều chỉnh đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan đối mới của ngành Giáo dục và Đào tạo. CTĐT chỉnh sửa năm 2022 đáp ứng thay đổi, cải tiến chương trình để người học tiếp cận

được các kiến thức khoa học mới cũng như sự phát triển đời sống tâm lý của con người để vận dụng, ứng dụng các kỹ năng, kỹ thuật mới trong tâm lý học.

- Hàng năm, các Khoa/Bộ môn xây dựng kế hoạch dự giờ của giảng viên để chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra, đánh giá người học.

- Khoa/Bộ môn lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về giảng viên, ý kiến của các bên liên quan về nhu cầu sử dụng sinh viên sau khi tốt nghiệp để có biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

8.1. Quy trình đánh giá

Theo Điều 14, 15, 16, 17, 18, chương III, Quyết định số 667/QĐ-ĐHTTr ngày 25/08/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học.

CTĐT áp dụng đa dạng các phương pháp đánh giá. Tùy thuộc vào CDR và phương pháp dạy - học của từng học phần, các phương pháp đánh giá được lựa chọn nhằm đảm bảo sự phù hợp và đánh giá được mức độ tiến bộ của sinh viên cũng như hiệu quả đạt được của tiến trình dạy và học. Các phương pháp đánh giá được áp dụng trong CTĐT gồm:

- Đánh giá sự tham gia trên lớp (In-class participation): ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên và ý thức, thái độ học tập của sinh viên kết hợp với đánh giá việc phát biểu xây dựng bài giảng trong giờ học.

- Đánh giá bài tập (Work Assignment): mức độ thực hiện bài tập của sinh viên và việc thực hiện bài tập bởi cá nhân hoặc nhóm.

- Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation): Sinh viên được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm. Hoạt động này giúp sinh viên đạt được những kiến thức chuyên ngành mà còn phát triển các kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm...

- Đánh giá hoạt động (Performance test): Sinh viên thực hiện một số hoạt động, kỹ thuật cụ thể theo các yêu cầu về kiến thức và kỹ năng của học phần.

- Kiểm tra viết (Written Exam): yêu cầu trả lời một số câu hỏi, làm bài tập hay đưa ra ý kiến cá nhân về những vấn đề chủ yếu liên quan đến các CDR về kiến thức của học phần.

- Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple Choice Exam): yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án được thiết kế sẵn.

- Thi vấn đáp (Oral Exam): đánh giá thông qua phỏng vấn, hỏi đáp trực tiếp.
- Viết báo cáo (Written Report): đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ hay hình ảnh trong báo cáo.
- Đánh giá làm việc nhóm (Peer Assessment): được áp dụng khi triển khai hoạt động dạy học theo nhóm và được dùng để đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của sinh viên.
- Báo cáo thực tập/Khóa luận tốt nghiệp (Graduation Report/Thesis): được đánh giá bởi giảng viên hướng dẫn và giảng viên phản biện bằng cách sử dụng các phiếu đánh giá (rubrics).

8.2. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá

Điểm học phần gồm điểm các thành phần: Điểm thành phần 1 là điểm chuyên cần, ý thức học tập, trọng số 10% gồm: *thái độ tham dự*: 2%, (trong đó, luôn chú ý và tham gia các hoạt động:2%; khá chú ý, có tham gia: 1,5%; có chú ý, ít tham gia: 1%; không chú ý, không tham gia: 0%); *thời gian tham dự*: 8% (nếu vắng 01 tiết trừ 1%; vắng quá 20% tổng số tiết của học phần 0 điểm). Điểm thành phần 2 là trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, trọng số 30%. Điểm thành phần 3 là điểm thi kết thúc học phần, trọng số 60%.

Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ và thang điểm 4 như sau:

TT	Thang điểm 10	Thang điểm 4	
		Điểm chữ	Điểm số
1	Từ 8,5 đến 10	A	4,0
2	Từ 8 đến 8,4	B+	3,5
3	Từ 7 đến 7,9	B	3,0
4	Từ 6,5 đến 6,9	C+	2,5
5	Từ 5,5 đến 6,4	C	2,0
6	Từ 5 đến 5,4	D+	1,5
7	Từ 4 đến 4,9	D	1,0
8	Dưới 4,0	F	0

9. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

9.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng số tín chỉ của CTĐT: 130 tín chỉ (không kể Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – an ninh), trong đó:

- Kiến thức giáo dục đại cương: 28 tín chỉ.
- Kiến thức cơ sở ngành: 22 tín chỉ.
- Kiến thức ngành: 24 tín chỉ.
- Kiến thức chuyên ngành: 42 tín chỉ.
- Thực tập: 8 tín chỉ.
- Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp: 6 tín chỉ.

9.2. Ma trận chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra												
Mã HP	Tên học phần	Kiến thức										Kỹ năng		Năng lực tự chủ, chịu trách nhiệm
		C										C	M	
		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	R1	R1			
A. Kiến thức giáo dục đại cương														
I. Lý luận chính trị														
LL2.1.040.3	Triết học Mác – Lênin	2												
LL2.1.041.2	Kinh tế chính trị Mác-lênin	2												
LL2.1.042.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2												
LL2.1.043.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2												
LL2.1.044.2	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2												
II. Ngoại ngữ														
NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1											2		
NN2.1.002.3	Tiếng Anh 2											2		
NN2.1.003.3	Tiếng Anh 3											2		
III. Tin học														
TN2.1.501.2	Tin học đại cương		2							2	2	3		
IV. Khoa học tự nhiên														
<i>Phần tự chọn (chọn 2/4 tín chỉ)</i>														
TL2.1.177.2	Thống kê trong Khoa học xã hội		2							2				
TN2.1.408.2	Môi trường và con người		2											
V. Khoa học xã hội														

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra												
Mã HP	Tên học phần	Kiến thức										Năng lực tự chủ, chịu trách nhiệm		
		Kĩ năng												
		Cứng					Mềm							
CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9	CĐR10	CĐR11	CĐR12			
<i>Phần tự chọn (chọn 4/6 tín chỉ)</i>														
VD2.1.091.2	Cơ sở văn hóa Việt Nam		2											
XH2.1.003.2	Lịch sử văn minh thế giới		2											
TL2.1.198.2	Giáo dục học đại cương	1							2					
VI. Giáo dục thể chất														
TC2.1.001.2	Giáo dục thể chất 1 - Bơi lội	2												
<i>Học phần tự chọn 1 (Chọn 3 trong 12 tín chỉ)</i>														
TC2.1.002.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng đá 1)	2												
TC2.1.003.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng bàn 1)	2												
TC2.1.004.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng chuyền 1)	2												
TC2.1.005.3	Giáo dục Thể chất 2 (Cầu lông 1)	2												
TC2.1.006.3	Giáo dục Thể chất 2 (Võ thuật 1)	2												
TC2.1.007.3	Giáo dục Thể chất 2 (Điền kinh 1)	2												
<i>Học phần tự chọn 2 (Chọn 2 trong 20 tín chỉ)</i>														
TC2.1.008.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng đá 2)	2												
TC2.1.009.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng bàn 2)	2												
TC2.1.010.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng chuyền 2)	2												
TC2.1.011.2	Giáo dục Thể chất 3 (Cầu lông 2)	2												
TC2.1.012.2	Giáo dục Thể chất 3 (Võ thuật 2)	2												
TC2.1.013.2	Giáo dục Thể chất 3 (Điền kinh 2)	2												
TC2.1.018.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 1)	2												
TC3.1.019.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 2)	2												
TC2.1.020.3	Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội 1)	2												
TC2.1.021.2	Giáo dục thể chất 3 (Bơi lội 2)	2												
VII. Giáo dục Quốc phòng – An ninh														

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra													
Mã HP	Tên học phần	Kiến thức										Năng lực tự chủ, chịu trách nhiệm			
		C										C			
		CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9	CĐR10	CĐR11	CĐR12		
TC2.1.014.3	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1	1													
TC2.1.015.2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2	1													
TC2.1.016.2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3	1													
TC2.1.017.2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4	1													
B. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp															
I. Kiến thức cơ sở ngành															
<i>Kiến thức bắt buộc</i>															
LL3.1.007.2	Pháp luật đại cương		2												
TL2.1.001.2	Tâm lý học đại cương		1					2							
TL2.1.150.2	Lịch sử Tâm lý học		1							2					
TL2.1.011.2	Kỹ năng giao tiếp		2					3							
TL2.1.102.2	Giải phẫu sinh lý và Hoạt động thần kinh cấp cao		2							2					
TL2.1.019.2	Sức khỏe cộng đồng		2							2					
TL2.2.055.2	Tâm lý học sáng tạo		2				3								
TL2.1.178.2	Tâm lý học nhân cách			2						2					
TL2.1.151.2	Tâm lý học gia đình			2						2					
TL2.1.010.2	Xã hội học đại cương		2										1		
<i>Phần tự chọn (chọn 2/6 tín chỉ)</i>															
TL2.1.012.2	Tâm lý học quản lý			2						2					
TL2.1.152.2	Tâm lý học thần kinh			2						2					
TL2.1.405.2	Phát triển cộng đồng			2				2							
II. Kiến thức ngành															
<i>Phần bắt buộc</i>															
TL2.1.035.2	Tâm lý học dân tộc			2						2					
TL2.1.020.2	Tâm lý học giới tính			2			2								

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra											
Mã HP	Tên học phần	Kiến thức										Năng lực tự chủ, chịu trách nhiệm	
		C										C	
		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	1	2
TL2.1.024.2	Tâm lý học xã hội			2						2			
TL2.1.153.3	Phương pháp nghiên cứu tâm lý học			2				2					
TL2.1.094.2	Tâm bệnh học			2			2						
TL2.1.028.2	Giáo dục kỹ năng sống		2						2				
TL2.2.040.3	Tâm lý học phát triển		2						2				
TL2.2.032.2	Giáo dục và sự phát triển xã hội		2						2				
TL2.1.179.2	Tâm lý học nhận thức		2						2				
TL2.1.021.2	Xây dựng và phát triển nhóm làm việc			2					2				
<i>Kiến thức tự chọn (chọn 2/6 tín chỉ)</i>													
TL2.1.042.2	Công tác xã hội gia đình		2						2				
TL2.1.195.2	Tâm lý học quản trị kinh doanh			1					2				
TL2.1.029.2	Giới và phát triển								2				1
III. Kiến thức chuyên ngành													
<i>Kiến thức bắt buộc</i>													
NN2.1.023.3	Tiếng Anh chuyên ngành										2		
TL2.1.155.3	Tham vấn 1 (cơ bản)			2				2					
TL2.1.180.2	Tham vấn cho trẻ em và thanh thiếu niên			2				2					
TL2.1.156.3	Tham vấn 2 (Nâng cao)			3				3					3
TL2.1.157.2	Tham vấn nhóm và trị liệu nhóm			2				2					2
TL2.1.158.2	Tham vấn cho người nghiện ma túy, nhiễm HIV/AIDS				1				2				
TL2.1.159.2	Tham vấn trong trường học			2				2					
TL2.1.160.3	Tâm lý học lâm sàng			2					2				
TL2.1.210.2	Khởi nghiệp nghề tâm lý học			2						1			
TL2.1.162.3	Chẩn đoán tâm lý			2			2						

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra											
Mã HP	Tên học phần	Kiến thức										Năng lực tự chủ, chịu trách nhiệm	
		Cấp										Cấp	
		CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	R1	R1		
TL2.1.163.3	Tâm lý học trị liệu				2				1				
TL2.2.049.2	Giáo dục đặc biệt			2					1				
TL2.1.164.2	Đạo đức nghề tham vấn			2		1							
TL2.1.172.3	Thực hành tham vấn cá nhân			2				2					
TL2.1.173.3	Thực hành tham vấn nhóm			2		2							
TL2.1.166.2	Tham vấn tình yêu – hôn nhân – gia đình		2			2							
<i>Phần tự chọn (chọn 2/6 tín chỉ)</i>													
TL2.1.165.2	Tâm lý học lao động		2			2							
TL1.2.196.2	Tâm lý học tôn giáo			2		2							
TL2.1.161.2	Tham vấn hướng nghiệp			2				2					
IV. Thực tập													
TL2.1.174.4	Thực tập 1							3					3
TL2.1.175.4	Thực tập 2							3					3
V. Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp													
<i>Khóa luận tốt nghiệp</i>													
<i>Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp (chọn 6/11 tín chỉ)</i>													
TL2.1.167.3	Tâm lý học giáo dục			2		2							
TL2.1.168.2	Tâm lý học du lịch		2			2							
TL2.1.169.2	Tâm lý học ứng xử			2		2							
TL2.1.170.2	Tâm lý học y học		2	2									
TL2.1.171.2	Tâm lý học tư pháp			2				2					
Tổng số tín chỉ toàn khóa		130											

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra										
Mã HP	Tên học phần	Kiến thức	Kĩ năng								Năng lực tự chủ, chịu trách nhiệm	
			Cứng		Mềm							
			CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9	CĐR10
<i>(Không tính Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng – An ninh)</i>												

0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo

9.3. Nội dung chương trình

S T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Bài tập, kiểm tra	Thực hành, thảo luận	Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khóa luận tốt nghiệp	
A. Kiến thức giáo dục đại cương								
I. Lý luận chính trị			11					
1	LL2.1.040.3	Triết học Mác – Lênin	3	43	2		Không	
2	LL2.1.041.2	Kinh tế chính trị Mác-lênin	2	25	5		LL2.1.040.3	
3	LL2.1.042.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	29	1		LL2.1.041.2	
4	LL2.1.043.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	10		LL2.1.042.2	
5	LL2.1.044.2	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	20	10		LL2.1.043.2	
II. Ngoại ngữ			9					
6	NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1	3	22	23		Không	
7	NN2.1.002.3	Tiếng Anh 2	3	22	23		NN2.1.001.3	
8	NN2.1.003.3	Tiếng Anh 3	3	22	23		NN2.1.002.3	
III. Tin học			2					
9	TN2.1.501.2	Tin học đại cương	2	15	15		Không	

S T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Bài tập, kiểm tra	Thực hành, thảo luận	Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khóa luận tốt nghệ	
IV. Khoa học tự nhiên			2					
<i>Phần tự chọn (chọn 2/4 tín chỉ)</i>								
10	TL2.1.177.2	Thống kê trong Khoa học xã hội	2	12	18			Không
11	TN2.1.408.2	Môi trường và con người	2	24		6		Không
V. Khoa học xã hội			4					
<i>Phần tự chọn (chọn 4/6 tín chỉ)</i>								
12	VD2.1.091.2	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	14	1		45	Không
13	XH2.1.003.2	Lịch sử văn minh thế giới	2	15	15			Không
14	TL2.1.198.2	Giáo dục học đại cương	2	14	16			Không
VI. Giáo dục thể chất			42					
15	TC2.1.001.2	Giáo dục thể chất 1 (Bơi lội)	2		1	29		Không
16	TC2.1.002.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 1)	3	4	1	40		Không
17	TC2.1.003.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng bàn 1)	3	3	1	41		Không
18	TC2.1.004.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 1)	3	3	2	40		Không
19	TC2.1.005.3	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 1)	3	3	1	41		Không
20	TC2.1.006.3	Giáo dục thể chất 2 (Võ thuật 1)	3	2	1	42		Không
21	TC2.1.007.3	Giáo dục thể chất 2 (Điền kinh 1)	3	3	2	40		Không
22	TC2.1.008.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá	2		1	29		Không

S T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Bài tập, kiểm tra	Thực hành, thảo luận	Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khóa luận tốt nghệ	
		2)						
23	TC2.1.009.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng bàn 2)	2		1	29		Không
24	TC2.1.010.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 2)	2		1	29		Không
25	TC2.1.011.2	Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 2)	2		1	29		Không
26	TC2.1.012.2	Giáo dục thể chất 3 (Võ thuật 2)	2	2	1	27		Không
27	TC2.1.013.2	Giáo dục thể chất 3 (Điền kinh 2)	2	2	1	27		Không
28	TC2.1.018.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 1)	3	4	1	40		Không
29	TC3.1.019.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 2)	2		1	29		Không
30	TC2.1.020.3	Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội 1)	3	4	1	40		Không
31	TC2.1.021.2	Giáo dục thể chất 3 (Bơi lội 2)	2		1	29		Không
VII. Giáo dục Quốc phòng – An ninh			9					
32	TC2.1.014.3	GDQP – An ninh 1	3	37	8			Không
33	TC2.1.015.2	GDQP – An ninh 2	2	30				Không
34	TC2.1.016.2	GDQP – An ninh 3	2	14	1	15		Không
35	TC2.1.017.2	GDQP – An ninh 4	2	4		56		Không

S T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Bài tập, kiểm tra	Thực hành, thảo luận	Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khóa luận tốt nghệ	
B. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp								
I. Kiến thức cơ sở ngành			22					
<i>Phần bắt buộc</i>			20					
36	LL3.1.007.2	Pháp luật đại cương	2	29	1		Không	
37	TL2.1.001.2	Tâm lý học đại cương	2	12	18		Không	
38	TL2.1.150.2	Lịch sử Tâm lý học	2	12	18		Không	
39	TL2.1.011.2	Kỹ năng giao tiếp	2	11	19		Không	
40	TL2.1.102.2	Giải phẫu sinh lý và Hoạt động thần kinh cấp cao	2	11	14	10	Không	
41	TL2.1.019.2	Sức khỏe cộng đồng	2	14	16		Không	
42	TL2.2.055.2	Tâm lý học sáng tạo	2	12	18		Không	
43	TL2.1.178.2	Tâm lý học nhân cách	2	16	14		TL2.1.001.2	
44	TL2.1.151.2	Tâm lý học gia đình	2	12	18		TL2.1.001.2	
45	TL2.1.010.2	Xã hội học đại cương	2	14	16		Không	
<i>Phần tự chọn (chọn 2/6 tín chỉ)</i>			2					
46	TL2.1.012.2	Tâm lý học quản lý	2	12	18		TL2.1.001.2	
47	TL2.1.152.2	Tâm lý học thần kinh	2	12	18		TL2.1.001.2	
48	TL2.1.405.2	Phát triển cộng đồng	2	10	20		Không	
II. Kiến thức ngành			24					
<i>Phần bắt buộc</i>			22					
49	TL2.1.035.2	Tâm lý học dân tộc	2	14	16		TL2.1.001.2	

S T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Bài tập, kiểm tra	Thực hành, thảo luận	Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khóa luận tốt nghiệp	
50	TL2.1.020.2	Tâm lý học giới tính	2	14	16			Không
51	TL2.1.024.2	Tâm lý học xã hội	2	15	15			Không
52	TL2.1.153.3	Phương pháp nghiên cứu tâm lý học	3	16	29			TL2.1.001.2
53	TL2.1.094.2	Tâm bệnh học	2	14	16			Không
54	TL2.1.028.2	Giáo dục kỹ năng sống	2	11	19			TL2.1.010.2
55	TL2.2.040.3	Tâm lý học phát triển	3	20	11	14		TL2.1.001.2
56	TL2.2.032.2	Giáo dục và sự phát triển xã hội	2	15	15			Không
57	TL2.1.179.2	Tâm lý học nhận thức	2	11	19			TL2.1.001.2
58	TL2.1.021.2	Xây dựng và phát triển nhóm làm việc	2	15	15			Không
<i>Phần tự chọn (chọn 2/6 tín chỉ)</i>			2					
59	TL2.1.042.2	Công tác xã hội gia đình	2	15	15			Không
60	TL2.1.195.2	Tâm lý học quản trị kinh doanh	2	18	12			TL2.1.001.2
61	TL2.1.029.2	Giới và phát triển	2	14	16			Không
III. Kiến thức chuyên ngành			42					
<i>Phần bắt buộc</i>			40					
62	NN2.1.023.3	Tiếng Anh chuyên ngành	3	22	23			NN2.1.003.3
63	TL2.1.155.3	Tham vấn 1 (cơ bản)	3	20	25			TL2.2.040.3
64	TL2.1.180.2	Tham vấn cho trẻ em và thanh thiếu niên	2	14	16			TL2.1.155.3
65	TL2.1.156.3	Tham vấn 2	3	14	31			TL2.1.155.3

S T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khóa luận tốt nghệ	Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Bài tập, kiểm tra	Thực hành, thảo luận			
		(Nâng cao)							
66	TL2.1.157.2	Tham vấn nhóm và trị liệu nhóm	2	8	22			TL2.1.155.3	
67	TL2.1.158.2	Tham vấn cho người nghiện ma túy, nhiễm HIV/AIDS	2	9	8	6	30	TL2.1.155.3	
68	TL2.1.159.2	Tham vấn trong trường học	2	14	2	30		TL2.1.155.3	
69	TL2.1.160.3	Tâm lý học lâm sàng	3	15	15	30	1	TL2.1.001.2	
70	TL2.1.210.2	Khởi nghiệp nghề tâm lý học	2	15	15			TL2.1.001.2	
71	TL2.1.162.3	Chẩn đoán tâm lý	3	11	19		45	TL2.1.001.2	
72	TL2.1.163.3	Tâm lý học trị liệu	3	11	19		45	TL2.1.162.3	
73	TL2.2.049.2	Giáo dục đặc biệt	2	11	15		12	TL2.1.001.2	
74	TL2.1.164.2	Đạo đức nghề tham vấn	2	11	19			TL2.1.001.2	
75	TL2.1.172.3	Thực hành tham vấn cá nhân	3	8	10	60		TL2.1.155.3	
76	TL2.1.173.3	Thực hành tham vấn nhóm	3	8	8	59		TL2.1.172.3	
77	TL2.1.166.2	Tham vấn tình yêu – hôn nhân – gia đình	2	12	18			TL2.1.155.3	
<i>Phần tự chọn (chọn 2/6 tín chỉ)</i>			2						
78	TL2.1.165.2	Tâm lý học lao động	2	13	17			TL2.1.178.2	
79	TL1.2.196.2	Tâm lý học tôn giáo	2	11	19			TL2.1.001.2	
80	TL2.1.161.2	Tham vấn hướng nghiệp	2	7	8	45	1	TL2.1.155.3	
IV. Thực tập			8						
81	TL2.1.174.4	Thực tập 1	4				60	TL2.1.155.3	

S T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Bài tập, kiểm tra	Thực hành, thảo luận	Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khóa luận tốt nghiệp	
82	TL2.1.175.4	Thực tập 2	4				60	TL2.1.155.3 TL2.1.172.3
V. Khóa luận tốt nghiệp/ Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp			6					
<i>Phân tự chọn (chọn 6/11 tín chỉ)</i>			6					
83	TL2.1.167.3	Tâm lý học giáo dục	3	20	25			TL2.1.178.2
84	TL2.1.168.2	Tâm lý học du lịch	2	10	20			TL2.1.195.2
85	TL2.1.169.2	Tâm lý học ứng xử	2	7	23			TL2.1.001.2
86	TL2.1.170.2	Tâm lý học y học	2	11	19			TL2.1.001.2
87	TL2.1.171.2	Tâm lý học tư pháp	2	11	19			TL2.1.001.2
Tổng số tín chỉ toàn khóa (Không tính Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng – An ninh)				130				

9.4. Kế hoạch giảng dạy

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kỳ								
					1	2	3	4	5	6	7	8	
1	LL2.1.040.3	Triết học Mác-Lênin		3	3								
2	NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1		3	3								
3	TN2.1.501.2	Tin học đại cương		2	2								
4	TL2.1.177.2	Thống kê trong Khoa học xã hội		2	2								
5	LL2.1.010.2	Xã hội học đại cương		2	2								
6	TL2.1.001.2	Tâm lý học đại cương		2	2								
7	TL2.1.003.2	Giáo dục học đại cương		2	2								

8	TC2.1.001.2	Giáo dục thể chất 1		2								
9	LL2.1.041.2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin		2		2						
10	NN2.1.002.3	Tiếng Anh 2		3		3						
11	VD2.1.091.2	Cơ sở văn hóa Việt Nam		2		2						
12	TL2.1.102.2	Giải phẫu sinh lý và Hoạt động thần kinh cấp cao		2		2						
13	TL2.1.150.2	Lịch sử Tâm lý học		2		2						
14	TL2.1.019.2	Sức khỏe cộng đồng		2		2						
15	TL2.1.040.3	TLH phát triển		3		3						
<i>Tự chọn 3/21 tín chỉ</i>												
16	TC2.1.020.3	GDTC 2 – Bơi 1		3								
17	TC3.1.018.3	GDTC 2- Bóng rổ 1		3								
18	TC2.1.005.3	GDTC 2-Cầu lông 1		3								
19	TC2.1.006.3	GDTC 2-Võ thuật 1		3								
20	TC2.1.003.3	GDTC2-Bóng bàn 1		3								
21	TC2.1.004.3	GDTC2- Bóng chuyên 1		3								
22	TC2.1.002.3	GDTC2-Bóng đá 1		3								
<i>Tự chọn 2/6 tín chỉ</i>												
23	TN2.1.408.2	Môi trường và con người		2								
24	TL2.1.012.2	Tâm lý học quản lý		2		2						
25	TL2.1.405.2	Phát triển cộng đồng		2								
26	LL2.1.042.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2			2					
27	NN2.1.003.3	Tiếng Anh 3		3			3					
28	TL2.1.153.3	Phương pháp nghiên cứu Tâm lý học		3			3					
29	LL2.1.007.2	Pháp luật đại cương		2			2					
30	TL2.1.011.2	Kỹ năng giao tiếp		2			2					
31	TL2.1.008.2	Tâm lý học xã hội		2			2					

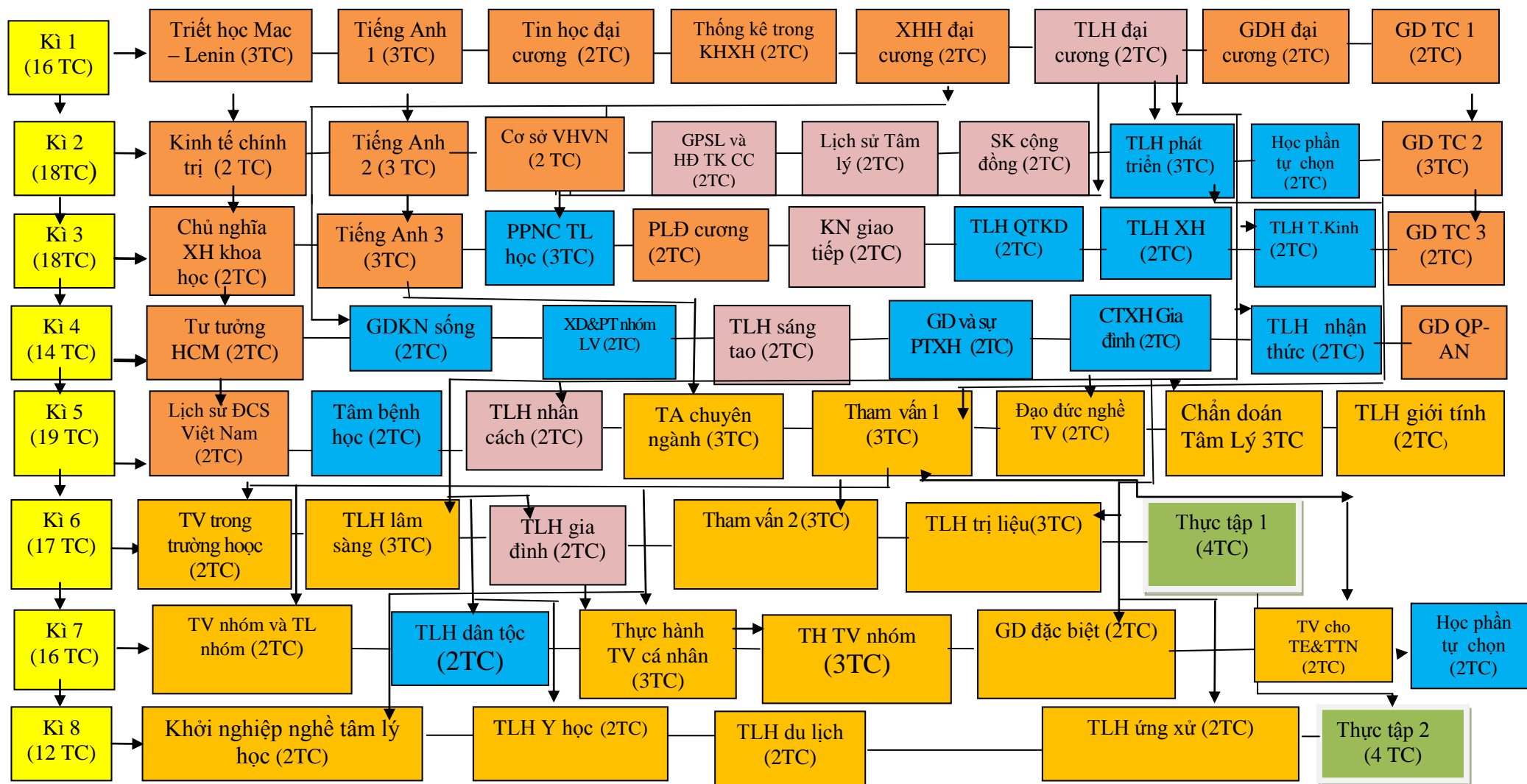
32	TL2.1.152.2	Tâm lý học thần kinh		2		2						
<i>Tự chọn 2/16 tín chỉ</i>												
33	TC3.1.019.2	GDTC3- Bóng rổ 2		2								
34	TC2.1.011.2	GDTC3- Cầu lông 2		2								
35	TC 2.1.013.2	GDTC3- Điền kinh 2		2								
36	TC2.1.021.2	GDTC3- Bơi lội 2		2								
37	TC2.1.009.2	GDTC3- Bóng bàn 2		2								
38	TC2.1.008.2	GDTC3- Bóng đá 2		2								
39	TC2.1.012.2	GDTC3- Võ thuật 2		2								
40	TC2.1.010.2	GDTC3-bóng chuyền 2		2								
<i>Tự chọn 2/6 tín chỉ</i>												
41	TL2.2.166.2	Tham vấn tình yêu-hôn nhân – gia đình		2								
42	TL2.1.195.2	Tâm lý học quản trị kinh doanh		2		2						
43	TL2.1.029.2	Giới và phát triển		2								
44	LL2.1.043.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2			2					
45	TL2.1.028.2	Giáo dục kỹ năng sống		2			2					
46	TL2.1.055.2	Tâm lý học sáng tạo		2			2					
47	TL2.1.021.2	Xây dựng và phát triển nhóm làm việc		2			2					
48	TL2.1.032.2	Giáo dục và sự phát triển XH		2			2					
49	TC2.1.014.3	GDQP – An ninh 1		3								
50	TC2.1.015.2	GDQP – An ninh 2		2								
51	TC2.1.016.2	GDQP – An ninh 3		2								
52	TC2.1.017.2	GDQP – An ninh 4		2								
<i>Chọn 4/6 tín chỉ</i>												
53	TL2.1.042.2	Công tác xã hội gia đình		2			2					
54	TL2.1.179.2	Tâm lý học nhận		2			2					

		thức										
55	XH2.1.003.2	Lịch sử văn minh thế giới		2								
56	LL2.1.044.2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam		2				2				
57	TL2.1.094.2	Tâm bệnh học		2				2				
58	TL2.1.178.2	Tâm lý học nhân cách		2				2				
69	NN2.1.023.3	Tiếng Anh chuyên ngành		3				3				
60	TL2.1.155.3	Tham vấn 1		3				3				
61	TL2.1.164.2	Đạo đức nghề tham vấn		2				2				
62	TL2.1.162.3	Chẩn đoán tâm lý		3				3				
63	TL2.1.020.2	Tâm lý học giới tính		2				2				
64	TL2.1.159.2	Tham vấn trong trường học		2					2			
65	TL2.1.160.3	Tâm lý học lâm sàng		3					3			
66	TL2.1.151.2	Tâm lý học gia đình		2					2			
67	TL2.1.156.3	Tham vấn 2		3					3			
68	TL2.1.163.3	Tâm lý học trị liệu		3					3			
69	TL2.174.4	Thực tập 1		4					4			
70	TL2.1.157.2	Tham vấn nhóm và trị liệu nhóm		2						2		
71	TL2.1.035.2	Tâm lý học dân tộc		2						2		
72	TL2.1.172.3	Thực hành tham vấn cá nhân		3							3	
73	TL2.1.173.3	Thực hành tham vấn nhóm		3							3	
74	TL2.2.049.2	Giáo dục đặc biệt		2							2	
75	TL2.1.180.2	Tham vấn cho trẻ em và thanh thiếu niên		2							2	
<i>Tự chọn 2/8 tín chỉ</i>												

76	TL2.1.165.2	Tâm lý học lao động		2								
77	TL2.1.161.2	Tham vấn hướng nghiệp		2							2	
78	TL2.1.158.2	Tham vấn cho người nghiện ma túy, HIV/AIDS		2								
79	TL1.2.196.2	Tâm lý học tôn giáo		2								
80	TL2.1.210.2	Khởi nghiệp nghề tâm lý học		2								2
81	TL2.1.175.4	Thực tập 2		4								4
<i>Học phân thay thế khóa luận tốt nghiệp (chọn 6/11 tín chỉ)</i>												
82	TL2.1.167.3	Tâm lý học giáo dục		3								
83	TL2.1.168.2	Tâm lý học du lịch		2								2
84	TL2.1.169.2	Tâm lý học ứng xử		2								2
85	TL2.1.170.2	Tâm lý học y học		2								2
86	TL2.1.171.2	Tâm lý học tư pháp		2								
Cộng (không tính Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh)				130	16	18	18	14	19	17	16	12

9.5. Bản đồ chương trình dạy học

13. Bản đồ chương trình dạy học ngành Tâm lý học



Ghi chú: Học phần song hành: —
 Học phần tiên quyết: →

Kỳ học, số TC:
 Kiến thức cơ sở ngành:
 Kiến thức ngành:

Kiến thức giáo dục đại cương:
 Thực tập:
 Kiến thức chuyên ngành:

9.6. Mô tả nội dung các học phần

1	<p>Triết học Mác – Lê nin: 3 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về triết học nói chung và triết học Mác - Lênin nói riêng, giúp sinh viên có cái nhìn tổng quan về Triết học Mác - Lênin. Hiểu được quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.</p>
2	<p>Kinh tế chính trị Mác – Lê nin: 2 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác Lê nin</p> <p>Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về Kinh tế chính trị Mác – Lê nin như: Hàng hóa, thị trường, giá trị thặng dư, cạnh tranh và độc quyền; học phần cung cấp cho người học kiến thức về Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam để trên cơ sở đó, người học có lý luận, phương pháp luận đánh giá các hiện tượng kinh tế chính trị.</p>
3	<p>Chủ nghĩa xã hội khoa học: 2 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Kinh tế chính trị Mác – Lê nin</p> <p>Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về CNXH Khoa học như: sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân, liên minh giai cấp, cách mạng xã hội chủ nghĩa, những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong thời kỳ quá độ lên CNXH để từ đó người học có lý luận, phương pháp luận đánh giá được thực tiễn CNXH trên thế giới và trong nước.</p>
4	<p>Tư tưởng Hồ Chí Minh: 2 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Chủ nghĩa xã hội khoa học</p> <p>Học phần bao gồm các nội dung cơ bản: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam và nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá, đạo đức, con người.</p>
5	<p>Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam: 2 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>Học phần bao gồm các nội dung cơ bản: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, vai trò và quá trình Đảng cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 – 1945), xây dựng Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 2-1930), Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 – 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên Chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới.</p>
6	<p>Tiếng Anh 1: 3 TC</p>

	<p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần gồm các kiến thức cơ bản về thi hiện tại đơn đơn, sự sở hữu, đại từ chỉ định; sở thích cá nhân, hoạt động thời gian rảnh rỗi; Mô tả về bản thân, gia đình, công việc, khả năng của bản thân bằng Tiếng Anh.</p>
7	<p>Tiếng Anh 2: 3 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: không</p> <p>Học phần gồm các kiến thức cơ bản về thi quá khứ đơn, hiện tại tiếp diễn; cách đưa ra ý kiến cá nhân, cách thể hiện mong muốn, sở thích, cách xác định vị trí, cách mô tả cảm xúc, và mô tả tranh, và mô tả một chuyến đi với các chủ đề thức ăn, thời trang, diện mạo bề ngoài bằng Tiếng Anh .</p>
8	<p>Tiếng Anh 3: 3 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Tiếng anh 2</p> <p>Học phần bao gồm các kiến thức ngữ pháp, ngữ âm và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong các tình huống giao tiếp cụ thể. Học phần trang bị cho người học lượng từ vựng về các chủ đề quen thuộc của đời sống hàng ngày như du lịch, phim và nghệ thuật,...Học phần cung cấp cho người học các cấu trúc ngữ pháp về thi hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn.</p>
9	<p>Tin học đại cương: 2 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần bao gồm các kiến thức cơ bản về tin học, hệ thống máy tính, phần mềm, hệ điều hành, phần mềm soạn thảo văn bản được sử dụng rộng rãi nhất hiện nay - MS Word, bảng tính MS Excel, trang trình chiếu cơ bản với MS PowerPoint, mạng máy tính, kết nối Internet và sử dụng một số ứng dụng cơ bản trên Internet.</p>
10	<p>Thống kê trong Khoa học xã hội: 2 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Sinh viên hiểu những vấn đề cơ bản của thống kê trong khoa học xã hội như: các đặc trưng của mẫu, phương pháp chọn mẫu, các loại thang đo, các cách trình bày và mô tả số liệu, những phép thống kê suy luận cho biến định lượng; có khả năng vận dụng kiến thức để học tập, làm việc và nghiên cứu các vấn đề thuộc khoa học xã hội, có thái độ đúng đắn đối với việc học tập học phần thống kê trong khoa học xã hội.</p>
11	<p>Môi trường và con người: 2 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p>

	<p>Học phần gồm 7 chương, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về môi trường; tính hữu hạn của tài nguyên thiên nhiên; mối quan hệ chặt chẽ giữa môi trường và con người; sự gia tăng dân số quá mức cùng với các hoạt động nhằm thỏa mãn nhu cầu của con người đã dẫn đến cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, suy thoái và ô nhiễm môi trường.</p>
12	<p><i>Cơ sở văn hóa Việt Nam: 2 TC</i></p> <p>- Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần gồm các kiến thức cơ bản về văn hoá và văn hoá Việt Nam (khái niệm văn hoá Việt Nam, tiến trình văn hoá Việt Nam); văn hoá nhận thức, văn hoá tổ chức đời sống tập thể; giáo dục sinh viên sự phạm về giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc.</p>
13	<p><i>Lịch sử văn minh thế giới: 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần cung cấp những hiểu biết về trình quá trình phát triển của văn minh phương tây, phương đông qua các thời kỳ lịch sử. những thành tựu của các nền văn minh và sự đóng góp vào nền văn minh nhân loại.</p>
14	<p><i>Giáo dục học đại cương: 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: không</p> <p>Học phần này trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về khái niệm, bản chất, chức năng, nhiệm vụ của giáo dục, các yếu tố chi phối sự hình thành và phát triển nhân cách; Mục đích giáo dục, nguyên lý giáo dục và hệ thống giáo dục quốc dân ở nước ta.</p>
15	<p><i>Giáo dục thể chất : 7 TC</i></p> <p>- Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về lí luận và phương pháp giáo dục thể chất; một số kiến thức cơ bản về Y - Sinh học Thể dục thể thao; chạy cự li ngắn; chạy cự li trung bình, những động tác, các kỹ thuật cơ bản của môn thể thao (Bóng đá, Bóng chuyền, Bóng bàn, Cầu lông, Võ thuật); đặc điểm, ý nghĩa tác dụng của GDTC đối với người tập luyện nhằm phát triển con người toàn diện (Đức – Trí – Thể - Mỹ); trang bị những kiến thức cơ bản về thể thao và một số điều luật cơ bản, chiến thuật đơn giản trong các môn thể thao, phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài.</p>

16	<p><i>Giáo dục Quốc phòng – An ninh: 9 TC</i></p> <p>- Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về quan điểm của chủ nghĩa Mác Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - An ninh; nghệ thuật quân sự Việt Nam; trang bị những kiến thức cơ bản về phòng chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", "Bạo loạn lật đổ" của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia; một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về đội ngũ đơn vị và 3 môn quân sự phối hợp; sử dụng bản đồ địa hình quân sự; giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh; thuốc nổ; phòng chống vũ khí hủy diệt lớn; cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh; từng người trong chiến đấu tấn công và phòng ngự; kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK.</p>
17	<p><i>Giáo dục Quốc phòng – An ninh 1: 3 TC</i></p> <p>- Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Trang bị cho người học hiểu và phân tích được những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc, nhận thức đúng về nguồn gốc, bản chất của chiến tranh, các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, lực lượng vũ trang nhân dân để tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, kết hợp kinh tế xã hội với củng cố quốc phòng và nghệ thuật quân sự Việt Nam.</p> <p>Sinh viên xác lập phương pháp luận trong nghiên cứu các học phần, môn học giáo dục quốc phòng - an ninh, xây dựng niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Nắm vững các nội dung công tác quốc phòng, an ninh; vận dụng linh hoạt, sáng tạo kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn.</p> <p>Có ý thức cao trong học tập, rèn luyện phẩm chất bản lĩnh chính trị vững vàng, yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội; xây dựng tác phong nhanh nhẹn; hình thành nếp sống có kỷ luật trong sinh hoạt tập thể, ý thức cộng đồng ở trường, lớp và khi ra công tác.</p>

18	<p><i>Giáo dục Quốc phòng – An ninh 2: 2 TC</i></p> <p>- Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Trang bị cho người học hiểu được kiến thức về chiến tranh công nghệ cao, kiến thức về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, phong trào toàn dân đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội, bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc lãnh thổ biên giới, biển đảo Việt Nam.</p> <p>Nhận thức được âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, trên cơ sở đó đấu tranh, phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam để giữ gìn an ninh chính trị và bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam XHCN.</p> <p>Xây dựng được niềm tin chiến thắng trong phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.</p> <p>Nắm vững các nội dung công tác quốc phòng, an ninh, vận dụng linh hoạt, sáng tạo kiến thức đã học vào thực tiễn.</p>
19	<p><i>Giáo dục Quốc phòng – An ninh 3: 2 TC</i></p> <p>- Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Trang bị cho sinh viên kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc. Hiểu biết và sử dụng được một số loại phương tiện, vũ khí thông thường; có kiến thức về chiến thuật bộ binh; biết cách phòng, tránh vũ khí hủy diệt lớn và thành thạo kỹ thuật băng bó, chuyển thương. Nắm vững và thành thạo kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK.</p>
20	<p><i>Giáo dục Quốc phòng – An ninh 4: 2 TC</i></p> <p>- Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Trang bị cho sinh viên kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.</p>

	Có kiến thức về chiến thuật bộ binh; biết cách phòng, tránh vũ khí hủy diệt lớn và thành thạo kỹ thuật băng bó, chuyển thương. Sử dụng súng tiểu liên AK thành thạo.
21	<p>Pháp luật đại cương: 2 TC</p> <p>- Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần pháp luật đại cương cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật; một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam: pháp luật dân sự và pháp luật tố tụng dân sự, pháp luật lao động, pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự, pháp luật hành chính và pháp luật tố tụng hành chính, pháp luật về phòng, chống tham nhũng.</p>
22	<p>Tâm lý học đại cương: 2 TC</p> <p>- Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần giới thiệu khái quát về khoa học tâm lý, các khái niệm cơ bản của tâm lý học: tâm lý, ý thức, hoạt động, giao tiếp, nhân cách, các hoạt động tâm lý cơ bản.</p>
23	<p>Lịch sử tâm lý học: 2 TC</p> <p>- Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Sinh viên nắm được những mốc cơ bản trong lịch sử phát triển của tâm lý học: Các tư tưởng tâm lý học thời kỳ cổ đại, Sự ra đời của Tâm lý học với tư cách là một khoa học độc lập, xu hướng phát triển của các trường phái tâm lý học khác nhau cũng như sự hình thành và phát triển tâm lý học ở Việt Nam; có khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, có thái độ đúng đắn đối khi nghiên cứu và học tập môn lịch sử tâm lý học.</p>
24	<p>Kỹ năng giao tiếp: 2 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần trang bị cho người học các kiến thức: Khái quát chung về Kỹ năng giao tiếp; Các Kỹ năng giao tiếp cơ bản; Kỹ năng thuyết phục, Kỹ năng thuyết trình; Kỹ năng giao tiếp thông thường; Kỹ năng tham dự phỏng vấn.</p>
25	<p>Giải phẫu sinh lý và hoạt động thần kinh cấp cao : 2 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p>

	<p>Giải phẫu - Sinh lý hoạt động thần kinh cấp cao là bộ môn khoa học nghiên cứu hoạt động của bán cầu đại não trong việc tiếp nhận và xử lý thông tin. Hoạt động này được thực hiện thông qua các phản xạ và các quá trình ức chế phản xạ có điều kiện theo những quy luật nhất định. Môn học Giải phẫu – Sinh lý hoạt động thần kinh cấp cao nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về cấu tạo của hệ thần kinh trung ương và các quy luật hoạt động sinh lý thần kinh cấp cao cơ bản cần thiết cho việc đánh giá khả năng thích ứng của cơ thể với môi trường sống. Điều này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với hoạt động giáo dục trong nhà trường các cấp cũng như làm cơ sở sinh lý học cho khoa học xã hội, y học...</p>
26	<p>Sức khỏe cộng đồng: 2 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần Sức khỏe cộng đồng cung cấp cho sinh viên một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản chăm sóc sức khỏe cộng đồng như: Sức khỏe cộng đồng và các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe; Hành vi sức khỏe và quá trình thay đổi hành vi sức khỏe; Tổ chức hoạt động của tuyến y tế cơ sở và nhân viên y tế cộng đồng; Hoạt động truyền thông, giáo dục chăm sóc và nâng cao sức khỏe cộng đồng; Giáo dục sức khỏe dinh dưỡng và vệ sinh môi trường; Một số bệnh phổ biến tại cộng đồng....</p>
27	<p>Tâm lý học sáng tạo: 2 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần trang bị cho người học kiến thức về sự sáng tạo theo quan điểm Tâm lý học; bản chất, cơ sở sinh học, cơ sở xã hội của, sự thể hiện của sáng tạo trong đời sống thường ngày và trong một số lĩnh vực khác cũng như mối quan hệ giữa sáng tạo với trí thông minh, tư duy, tưởng tượng, động cơ sáng tạo và nhân cách; sự sáng tạo của tổ chức và việc bồi dưỡng năng lực sáng tạo.</p>
28	<p>Tâm lý học nhân cách: 2 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương</p> <p>Sinh viên xác định và phân tích được những nội dung cơ bản của các quan điểm Tâm lý học Phương Tây, Tâm lý học Liên Xô và Tâm lý học Phương Đông về bản chất, đặc điểm, cấu trúc nhân cách, sự hình thành và phát triển nhân cách; Phân tích để chỉ ra được những ưu, nhược điểm của từng quan điểm. Trên cơ sở đó xác định được những cống hiến của các tác giả đối với sự phát triển của Tâm lý học nhân cách nói riêng và Tâm lý học nói chung ; Xác định</p>

	<p>được các yếu tố chi phối sự hình thành nhân cách và trình bày vai trò của từng yếu tố đối với sự hình thành và phát triển nhân cách của con người; Chỉ ra được động lực, các xu hướng và các giai đoạn hình thành, phát triển nhân cách; Giải thích được cơ chế tâm lý và phân tích được các con đường hình thành, phát triển nhân cách; Phân tích được các kỹ năng sống và đưa ra được các mô hình nhân cách con người Việt Nam.</p>
29	<p>Tâm lý học gia đình: 2 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương</p> <p>Học phần cung cấp kiến thức cơ bản của Tâm lý học gia đình như: khái niệm gia đình, các chức năng cơ bản của gia đình, bầu không khí tâm lý trong gia đình, nội dung tâm lý của nếp sống, truyền thống, thói quen trong gia đình và ảnh hưởng của nó với sự phát triển nhân cách của con cái; có khả năng vận dụng kiến thức để giải quyết các nhiệm vụ học tập, có ý thức tìm hiểu, vận dụng kiến thức tâm lý học gia đình vào cuộc sống và nghề nghiệp sau này.</p>
30	<p>Xã hội học đại cương: 2 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần xã hội học cung cấp cho người học kiến thức khái niệm cơ bản về XHH ; hình thành được các kỹ năng thu thập số liệu, giải thích phân tích những vấn đề khác nhau của đời sống xã hội Học phần gồm 7 chương gồm: Nhập môn xã hội học, Các khái niệm phạm trù XHH, Phương pháp nghiên cứu XHH, Dư luận xã hội, Xã hội học gia đình, Xã hội học nông thôn, Xã hội học đô thị.</p>
31	<p>Tâm lý học quản lý: 2 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương</p> <p>Môn học này cung cấp cho người học các kiến thức về tâm lý học quản lý :</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Những vấn đề chung về tâm lý học quản lý. b) Lí luận về quản lý và phong cách lãnh đạo. c) Một số đặc điểm tâm lý trong nhóm và tập thể. d) Tâm lý học quản lý trong công tác tổ chức. e) Một số khía cạnh tâm lý trong công tác lãnh đạo.

32	<p><i>Tâm lý học thần kinh: 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương</p> <p>Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về Tâm lý học thần kinh như: lịch sử ra đời và phát triển tâm lý học thần kinh, Các nguồn tri thức về tổ chức chức năng của não, Hệ thống định khu não và sự phân tích chức năng của chúng, Cấu trúc tâm lý và rối loạn một số hiện tượng tâm lý nhận thức; có khả năng vận dụng kiến thức để giải quyết các nhiệm vụ học tập, có ý thức tìm hiểu, vận dụng kiến thức tâm lý học thần kinh vào cuộc sống và nghề nghiệp sau này.</p>
33	<p><i>Phát triển cộng đồng: 2TC</i></p> <p>- Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Môn học trang bị cho người học kiến thức về: khái niệm giao tiếp; tiến trình phát triển cộng đồng; vai trò của công tác xã hội và nhân viên công tác xã hội tuyến xã phường trong phát triển cộng đồng; các vấn đề cộng đồng và tiến trình giải quyết vấn đề của cộng đồng.</p>
34	<p><i>Tâm lý học dân tộc: 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương</p> <p>Học phần cung cấp các kiến thức về các hướng tiếp cận tâm lý học dân tộc trong các khoa học khác nhau, từ tâm lý học tới nhân chủng học văn hóa. Phân họa các hướng phát triển tâm lý học dân tộc, giới thiệu thành tựu của các trường phái cổ điển và mới nhất và các hướng nghiên cứu cơ bản trong nghiên cứu nhân cách, giao tiếp, hành vi xã hội. Những khía cạnh tâm lý xã hội của tính đồng nhất dân tộc, mối quan hệ giữa các dân tộc: định khuôn, định kiến, xung đột dân tộc, thích ứng tâm lý trong môi trường văn hóa mới. Đặc điểm tâm lý của người Việt Nam xưa và trong giai đoạn hội nhập.</p>
35	<p><i>Tâm lý học giới tính: 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần trang bị cho người học các kiến thức về: Những khái niệm cơ bản về tâm lý giới tính và những đặc điểm tâm lý của nam và nữ; mối quan hệ giữa hai giới, một số vấn đề đặc thù của giáo dục giới tính...</p>
36	<p><i>Tâm lý học xã hội: 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p>

	<p>Học phần trang bị cho người học các kiến thức về: Khái niệm, bản chất của các hiện tượng tâm lý xã hội; các quy luật và cơ chế tâm lý xã hội; Một số hiện tượng tâm lý xã hội cơ bản trong đời sống tập thể; Vấn đề nhân cách trong tâm lý học xã hội.</p>
37	<p>Phương pháp nghiên cứu tâm lý học: 3 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương</p> <p>Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu tâm lý học: Các nguyên tắc đạo đức trong nghiên cứu tâm lý học, Tiến trình nghiên cứu tâm lý học, Xây dựng cơ sở lý luận và lựa chọn khách thể nghiên cứu, Các phương pháp nghiên cứu Tâm lý học; có khả năng vận dụng kiến thức vào quá trình nghiên cứu, đánh giá các hiện tượng tâm lý người; tích cực trong nghiên cứu và tìm hiểu các phương pháp nghiên cứu tâm lý học.</p>
38	<p>Tâm bệnh học: 2 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về khái niệm tâm bệnh học, các mối quan hệ và sự thích nghi các mối quan hệ ở con người, một số dạng rối nhiễu tâm lý thường gặp và các loại tâm pháp cơ bản trong chăm chữa đối với các đối tượng có rối nhiễu tâm lý (khái niệm về tâm lý trị liệu, những hình thức chăm chữa, những biện pháp phòng ngừa tâm bệnh lý).</p>
39	<p>Giáo dục kỹ năng sống: 2 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương</p> <p>Học phần trang bị cho người học các kiến thức: Những vấn đề chung về Kỹ năng sống, Các Kỹ năng sống cơ bản (Kỹ năng tự nhận thức, Kỹ năng xác định mục tiêu; Kỹ năng ra quyết định và giải quyết vấn đề; Kỹ năng ứng phó với căng thẳng; Kỹ năng tư duy tích cực; Kỹ năng giải quyết mâu thuẫn, Kỹ năng làm việc nhóm; Kỹ năng quản lý thời gian)</p>
40	<p>Tâm lý học phát triển: 3 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương</p> <p>Học phần trang bị cho người học các kiến thức về: Những vấn đề chung của tâm lý học phát triển (Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của tâm lý học phát triển; Các lý thuyết về các nhân tố và động lực của sự phát triển tâm lý ...) và các giai đoạn phát triển tâm lý con người từ khi sinh ra đến khi mất</p>

	đi
41	<p><i>Giáo dục và sự phát triển xã hội: 2TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>- Về kiến thức: Sinh viên có những hiểu biết cơ bản về giáo dục, mối quan hệ giữa giáo dục và sự phát triển con người, phát triển xã hội, chức năng xã hội của giáo dục, những đòi hỏi của xã hội hiện đại đối với giáo dục, xu thế phát triển giáo dục trong sự phát triển xã hội hiện nay...</p> <p>- Về kỹ năng: Hiểu và vận dụng được những kiến thức, hiểu biết về giáo dục, tính quy định của kinh tế - xã hội đối với giáo dục, các chức năng xã hội của giáo dục, vị trí, vai trò của giáo dục đối với sự phát triển kinh tế - xã hội vào việc giải quyết, lí giải những vấn đề lí luận và thực tiễn công tác xã hội.</p> <p>- Về thái độ: Sinh viên nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của giáo dục đối với sự phát triển cá nhân và cộng đồng xã hội. Thấy được giáo dục chính là yếu tố căn nguyên thúc đẩy sự phát triển xã hội, là con đường quan trọng để giải quyết các vấn đề của xã hội hiện đại như Dân số, môi trường, sức khỏe, bình đẳng giới, đói nghèo...</p>
42	<p><i>Tâm lý học nhận thức: 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương</p> <p>Học phần này cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản về hoạt động nhận thức của con người. Từ đó vận dụng những qui luật của hoạt động nhận thức vào quá trình dạy học, giáo dục và nghiên cứu con người nói chung và học sinh nói riêng. Qua học phần này sinh viên cũng có khả năng nghiên cứu tiếp các lĩnh vực khác của tâm lí học và các khoa học có liên quan.</p>
43	<p><i>Xây dựng và phát triển nhóm làm việc: 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần nhằm cung cấp kiến thức cơ bản cho sinh viên về cung cấp cho sinh viên những kiến thức về bản chất, tầm quan trọng của nhóm làm việc, các cách thức vận hành, quản lý, lãnh đạo nhóm; đồng thời trang bị các kỹ năng cụ thể trong các tình huống xây dựng và phát triển nhóm làm việc. Môn học này còn mở rộng nội dung hoạt động vận hành của nhóm trong môi trường đa văn hóa, một xu thế tất yếu trong quá trình hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế quốc tế.</p>

44	<p>Công tác xã hội gia đình: 2 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: không</p> <p>Học phần bao gồm 2 chương, giới thiệu khái quát những vấn đề cơ bản về gia đình, hôn nhân, những vấn đề trong hôn nhân – gia đình và công tác xã hội với hôn nhân, gia đình.</p>
45	<p>Tâm lý học quản trị kinh doanh</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương</p> <p>Học phần cung cấp những vấn đề cơ bản về quản trị và tâm lý học trong quản trị kinh doanh, các phong cách quản trị, mối quan hệ của con người trong kinh doanh, văn hóa doanh nghiệp.</p>
46	<p>Giới và phát triển</p> <p>Điều kiện tiên quyết: không</p> <p>Học phần gồm kiến thức về giới và phát triển, quan điểm của Đảng và Nhà nước về bình đẳng giới, vấn đề giới trong một số lĩnh vực...</p>
47	<p>Tiếng anh chuyên ngành: 3 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 3</p> <p>Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các kiến thức liên quan đến chủ điểm Tâm lý học. Người học được thực hành các kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc, viết trong những tình huống liên quan đến các chủ đề về tâm lý học.</p> <p>Hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu ngắn (khoảng 40 đến 60 từ); có thể nói về các chủ đề liên quan đến tâm lý học.</p>
48	<p>Tham vấn 1 (cơ bản): 3 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học phát triển</p> <p>Trình bày được các khái niệm: tham vấn, tham vấn cá nhân, tham vấn nhóm, tham vấn gia đình, mục đích, nguyên tắc và quy trình tham vấn. Phân biệt được tham vấn, tư vấn và cố vấn; Nêu được tiến trình tham vấn cá nhân, tham vấn nhóm, tham vấn gia đình; Phân tích được các kỹ năng tham vấn cá nhân, nhóm, gia đình; Sử dụng đúng các lý thuyết tiếp cận tham vấn (cá nhân, nhóm, gia đình); Thực hiện đúng qui trình và các thao tác kỹ thuật trong tham vấn cá nhân, tham vấn nhóm, tham vấn gia đình ở</p>

	<p>các tình huống cụ thể; Sinh viên có ý thức thực hiện các nguyên tắc nghề nghiệp của tham vấn và không ngừng học tập để nâng cao trình độ chuyên môn; Có trách nhiệm cao khi tiến hành tham vấn cho các thân chủ.</p>
49	<p><i>Tham vấn cho trẻ em và thanh thiếu niên: 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Tham vấn 1</p> <p>Sinh viên hiểu được khái quát về tham vấn trẻ em và thanh thiếu niên: Khái niệm, các vấn đề của trẻ em, nhà tham vấn trẻ em và thanh thiếu niên; Mô tả được qui trình, kỹ năng, các kỹ thuật sử dụng trong tham vấn trẻ em và thanh thiếu niên; Phân tích được các vấn đề của trẻ em cần trợ giúp; Có khả năng sử dụng các kỹ năng và kỹ thuật trong tham vấn trẻ em; Vận dụng kiến thức, kỹ năng tham vấn trẻ em và thanh thiếu niên để tham vấn các đối tượng trẻ em cần trợ giúp; Tuân thủ và thực hiện thái độ đạo đức của một nhà tham vấn trẻ em; Có niềm tin vào sự tiến bộ, phát triển của trẻ yếu thế, sẵn sàng trợ giúp trẻ ; Hình thành hứng thú học tập và tăng thêm lòng yêu nghề.</p>
50	<p><i>Tham vấn 2 (nâng cao): 3 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Tham vấn 1</p> <p>Sinh viên nắm được đối tượng, mục đích, nhiệm vụ và hiệu quả của tham vấn; các hình thức tham vấn; các kỹ năng tham vấn: kỹ năng lắng nghe, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng thấu hiểu, kỹ năng phản hồi, kỹ năng diễn giải, kỹ năng xử lý im lặng; Một số kỹ năng tham vấn nâng cao: củng cố cái tôi, sự tự tin và khả năng cho thân chủ; Luyện tập những hành vi mới; Điều chỉnh cảm xúc; Thúc đẩy động cơ, hi vọng và mong đợi của thân chủ; Học tập những kinh nghiệm mới và đánh giá quá trình tham vấn; Kỹ năng kết nối. Sinh viên có ý thức thực hiện các nguyên tắc nghề nghiệp của tham vấn và không ngừng học tập để nâng cao trình độ chuyên môn; Có trách nhiệm cao khi tiến hành tham vấn cho các thân chủ.</p>
51	<p><i>Tham vấn nhóm và trị liệu nhóm: 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Tham vấn 1</p> <p>Người học hiểu thế nào là tham vấn và trị liệu nhóm, vai trò, mục đích của tham vấn nhóm. Nắm được các giai đoạn của tham vấn nhóm và bước đầu biết thực hiện các kỹ năng cần thiết để tham vấn và trị liệu nhóm. Hiểu được các</p>

	<p>yêu cầu để một nhà tham vấn nhóm có thể thành công. Từ đó có ý thức rèn luyện bản thân.</p> <p>Học viên có kỹ năng tham vấn và trị liệu nhóm.</p> <p>Có thái độ khách quan, khoa học trong thực hành tham vấn và trị liệu nhóm.</p>
52	<p><i>Tham vấn cho người nghiện ma túy, nhiễm HIV/AIDS: 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Tham vấn 1</p> <p>Hiểu được các khái niệm cơ bản, những kiến thức cơ bản về Ma túy, nghiện ma túy, người nhiễm HIV, khái niệm tham vấn cho người nghiện ma túy, nhiễm HIV, nắm bắt được các quan điểm và cách tiếp cận trong tham vấn tâm lý cho người nghiện ma túy, nhiễm HIV và hiểu vai trò của những người làm nghề tham vấn trong việc cung cấp dịch vụ.</p> <p>Xác định được một số yêu cầu cơ bản về nội dung, quy trình, phương pháp, các nguyên tắc trong tham vấn cho người nghiện ma túy và người nhiễm HIV. Xác định rõ những kiến thức về các kỹ năng tham vấn cho người nghiện ma túy. Có thái độ khách quan, chủ động tích cực trong học tập và rèn luyện nghề nghiệp. Xây dựng phẩm chất, tác phong chuyên nghiệp để trở thành tham vấn viên vừa có năng lực, vừa có lòng yêu nghề, yêu người.</p>
53	<p><i>Tham vấn trong trường học: 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Tham vấn 1</p> <p>Hiểu được các khái niệm cơ bản, những kiến thức cơ bản về tham vấn trong trường học, nắm bắt được các quan điểm và trường phái tâm lý trong tham vấn tâm lý cá nhân và vai trò của những người làm nghề tham vấn trong việc cung cấp dịch vụ.</p> <p>Xác định được một số yêu cầu cơ bản về nội dung, quy trình, phương pháp, các nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức trong tham vấn cho học sinh; Xác định rõ những kiến thức về các kỹ năng tham vấn học đường. Hiểu được các kiến thức về đánh giá và tư vấn cho học sinh có khó khăn tâm lý, về giới tính và sức khỏe sinh sản.</p>
54	<p><i>Tâm lý học lâm sàng: 3 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương</p> <p>Người học có kiến thức về những vấn đề chung về lịch sử tâm lý học lâm sàng, các khái niệm, phương pháp, kỹ thuật sử dụng trong tâm lý học lâm sàng</p>

	<p>cũng như hiểu về mối quan hệ giữa Tâm lý học lâm sàng và cuộc sống. Hiểu được những giai đoạn trong cuộc gặp gỡ và kỹ thuật cơ bản trong quan hệ hỗ trợ gia đình và trẻ em, thanh thiếu niên.</p> <p>Có khả năng vận dụng kỹ năng, phương pháp vào hỗ trợ tâm lý cho thân chủ. Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học. Có thái độ tích cực, khách quan trong đánh giá các vấn đề tâm lý trong quá trình hỗ trợ cho thân chủ.</p>
55	<p>Khởi nghiệp nghề tâm lý học: 2TC</p> <p>Loại học phân: Bắt buộc</p> <p>Học phần nghiên cứu những đặc trưng cơ bản của nghề tâm lý học nắm được nhu cầu của thị trường lao động, biết cách lựa chọn và xác định lĩnh vực dự án sẽ tham gia hoạt động, xác định được những điểm mạnh, yếu của bản thân. Sinh viên có kỹ năng xây dựng kế hoạch làm việc cũng như lựa chọn cách thức để hoạt động và đạt mục tiêu đề ra.</p>
56	<p>Chẩn đoán tâm lý: 3 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương</p> <p>Giúp sinh viên nắm được những vấn đề cơ bản về chẩn đoán, đánh giá tâm lý; Phân tích được nội dung các phương pháp chẩn đoán, đánh giá trí tuệ; Phân tích được nội dung các phương pháp chẩn đoán, đánh giá nhân cách; Phân tích được các phương pháp phóng chiếu trong chẩn đoán, đánh giá tâm lý. Vận dụng có hiệu quả quy trình chẩn đoán, đánh giá tâm lý để nghiên cứu đặc điểm tâm lý học sinh, những khó khăn tâm lý học sinh thường gặp phải; Sử dụng được các phương pháp chẩn đoán, đánh giá trí tuệ; Sử dụng được các phương pháp chẩn đoán, đánh giá nhân cách; Vận dụng được các phương pháp phóng chiếu trong chẩn đoán, đánh giá tâm lý. Ý thức được trách nhiệm, vai trò, sứ mạng của người giáo viên và chuyên gia tâm lý/cán bộ tư vấn - tham vấn tâm lý trong chẩn đoán, đánh giá tâm lý người học; Tích cực lĩnh hội những tri thức chẩn đoán, đánh giá tâm lý để vận dụng có hiệu quả vào công tác giảng dạy, giáo dục và hoạt động xã hội.</p>
57	<p>Tâm lý học trị liệu: 3 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Chẩn đoán tâm lý</p> <p>Người học hiểu được hệ thống được mục tiêu, nội dung chính về tâm lý trị liệu, những yếu tố căn bản trong tiến trình trị liệu tâm lý, có phương pháp và kỹ năng trị liệu tâm lý cho những trường hợp riêng biệt, hướng dẫn thiết kế mẫu giấy tờ dùng trong trị liệu tâm lý. Có động cơ học tập đúng đắn, có phương</p>

	pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo, áp dụng kiến thức và kỹ năng vào thực tiễn.
58	<p><i>Giáo dục đặc biệt: 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương</p> <p>Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về tâm sinh lí trẻ em và công tác chăm sóc – giáo dục trẻ đặc biệt như: giáo dục trẻ khiếm thính, trẻ khiếm thị, trẻ chậm phát triển trí tuệ; xây dựng các kế hoạch giáo dục cá nhân, can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật, đánh giá trẻ khuyết tật và các phương pháp nghiên cứu trong giáo dục đặc biệt.</p>
59	<p><i>Đạo đức nghề tham vấn: 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương</p> <p>Người học hiểu được hệ thống được mục tiêu, nội dung chính về tâm lý trị liệu, những yếu tố căn bản trong tiến trình trị liệu tâm lý, có phương pháp và kỹ năng trị liệu tâm lý cho những trường hợp riêng biệt, hướng dẫn thiết kế mẫu giấy tờ dùng trong trị liệu tâm lý. Có động cơ học tập đúng đắn, có phương pháp học tập khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và ngành đào tạo, áp dụng kiến thức và kỹ năng vào thực tiễn.</p>
60	<p><i>Thực hành tham vấn cá nhân: 3 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Tham vấn 1</p> <p>Học phần trang bị cho người học các kiến thức về : Tham vấn cá nhân, vai trò, trách nhiệm của sinh viên, của người tham gia trong đợt thực hành, các thủ tục thực hành, thực hành tại cơ sở.</p>
61	<p><i>Thực hành tham vấn nhóm: 3 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Thực hành tham vấn cá nhân.</p> <p>Học phần củng cố cho người học các kiến thức cơ bản về lý thuyết liên quan đến công tác xã hội cộng đồng, qua đó vận dụng các kỹ năng, phương pháp để giải quyết các vấn đề có liên quan.</p>
62	<p><i>Tham vấn Tình yêu – Hôn nhân – Gia đình: 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Tham vấn 1</p> <p>Sinh viên hiểu những yêu cầu, kỹ năng của cán bộ của nhà tham vấn tình yêu – hôn nhân – gia đình và những kiến thức nền tảng liên quan đến tình yêu –</p>

	<p>hôn nhân – gia đình làm cơ sở nghề. Mặt khác học phần cũng đi sâu vào các nội dung cơ bản trong tham vấn về tình yêu, hôn nhân, gia đình, cụ thể: Tình bạn, tình yêu đôi lứa, tình dục, mang thai, bảo vệ bản thân, cách xử lý một số tình huống nguy hiểm; Vấn đề tiền hôn nhân, hôn nhân; Nhiệm vụ làm cha mẹ, ông bà. Thực hành tham vấn qua một số tình huống..</p>
63	<p>Tâm lý học lao động: 2 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học nhân cách</p> <p>Trình bày được đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của Tâm lý học lao động; Sơ lược lịch sử của Tâm lý học lao động; Các phương hướng phát triển của Tâm lý học lao động.</p> <p>Phân tích được những nội dung cơ bản của việc phân công lao động, định mức lao động; Cơ sở khoa học của việc xây dựng chế độ nghỉ ngơi hợp lý cho người lao động.</p> <p>Phân tích được vai trò và cách thức sử dụng màu sắc, âm nhạc trong sản xuất.</p> <p>Phân tích được những vấn đề cơ bản về chọn nghề, công tác hướng nghiệp và vấn đề đào tạo nghề nghiệp. Trình bày được những vấn đề cơ bản về sự thích ứng giữa con người với con người trong lao động (các mối quan hệ liên nhân cách trong nhóm và tập thể lao động, không khí tâm lý và xung đột giữa các cá nhân trong nhóm lao động...) và những vấn đề tâm lý của người lãnh đạo (phong cách lãnh đạo, uy tín và phẩm chất tâm lý của người lãnh đạo...);</p> <p>Xây dựng được định mức lao động hợp lý cho bản thân.</p> <p>Thiết kế được chế độ làm việc và nghỉ ngơi hợp lý cho bản thân. Tạo lập được bầu không khí tâm lý tích cực trong tập thể; ngăn ngừa và khắc phục xung đột trong tập thể. Có tinh thần tích cực, chủ động trong học tập bộ môn; Tích cực vận dụng tri thức của môn học vào thực tiễn cuộc sống và thực tiễn hoạt động nghề nghiệp của bản thân sau này nhằm góp phần nâng cao năng suất lao động.</p>
64	<p>Tâm lý học tôn giáo: 2TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương</p> <p>Học phần cung cấp những vấn đề lý luận cơ bản về Tôn giáo và tâm lý trong các loại hình tôn giáo, đặc điểm tín ngưỡng, thờ cúng, niềm tin tôn giáo.</p>
65	<p>Tham vấn hướng nghiệp: 2 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Tham vấn 1</p>

	<p>Sinh viên hiểu được khái niệm tham vấn, tham vấn học tập và hướng nghiệp, các phong cách học tập cơ bản cũng như những nội dung liên quan đến hướng nghiệp cho học sinh trong nhà trường; có khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn; tích cực trong nghiên cứu và tìm hiểu các phương pháp nghiên cứu tâm lý học.</p>
66	<p>Thực tập 1: 4 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Thực hành tham vấn cá nhân.</p> <p>Học phần Củng cố kiến thức tham vấn và trị liệu tâm lý, chuẩn bị các công việc cho việc thực tập tại cơ sở cho sinh viên.</p>
67	<p>Thực tập 2: 4 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Thực hành tham vấn cá nhân, nhóm</p> <p>Thực tập là một phương thức đào tạo. Đợt thực tập 2 sẽ cung cấp cho sinh viên cơ hội để ứng dụng những khái niệm, nguyên tắc, phương pháp và các kỹ năng đã học vào thực tiễn. Sinh viên sẽ học qua thực tập và có những kinh nghiệm thực tế với tư cách như là một chuyên viên tham vấn và trị liệu tâm lý tập sự.</p>
68	<p>Khóa luận tốt nghiệp: 6 TC</p> <p>Căn cứ Quyết định 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Sửa đổi một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo quyết định Quyết định 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Sinh viên làm khóa luận thực hiện theo Quyết định số 1838/QĐ-ĐHTTr, ngày 28/09/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào về việc ban hành Quy định đào tạo Đại học, Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; Quyết định 660/QĐ-ĐHTTr ngày 26/9/2017 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1838/QĐ-ĐHTTr. Những sinh viên đạt điểm học tập theo quy định của nhà trường sẽ được làm khóa luận tốt nghiệp. Những sinh viên không đủ điểm làm khóa luận sẽ phải chọn 3 học phần tương ứng với 6 tín chỉ. Sinh viên có thể lựa chọn các học phần sau:</p>
69	<p>Tâm lý học giáo dục: 3TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học nhân cách</p>

	<p>Sinh viên xác định đối tượng, nhiệm vụ và các phương pháp nghiên cứu tâm lý học giáo dục. Trình bày được nội dung một số lý thuyết tâm lý học áp dụng vào giáo dục.</p> <p>Phân tích được khái niệm hoạt động dạy, hoạt động học; Trình bày được vấn đề tổ chức hoạt động dạy và lập được kế hoạch hoạt động dạy học;</p> <p>Phân tích được bản chất tâm lý của quá trình hình thành khái niệm, kỹ năng, kỹ xảo và mối quan hệ giữa dạy học và sự phát triển trí tuệ;</p> <p>Phân tích được khái niệm đạo đức, hành vi đạo đức. Mô tả được các tiêu chuẩn đánh giá hành vi đạo đức và các yếu tố tâm lý trong cấu trúc tâm lý của hành vi đạo đức.</p> <p>Trình bày được số hành vi lệch chuẩn đạo đức trong nhà trường, các giải pháp đương đầu với các vấn đề về khó khăn tâm lý học đường và vấn đề tổ chức giáo dục đạo đức cho cá nhân.</p> <p>Trình bày được những vấn đề cơ bản về tâm lý học giáo dục đặc biệt như: Những vấn đề tâm lý học về giáo dục học sinh năng khiếu, những vấn đề tâm lý học về giáo dục học sinh thiếu năng trí tuệ học tập, những vấn đề tâm lý học về giáo dục học sinh rối nhiễu tâm lý và những biện pháp giáo dục phù hợp;</p>
70	<p>Tâm lý học du lịch: 2 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học quản trị kinh doanh</p> <p>Sau khi hoàn tất học phần này, sinh viên có khả năng trình bày được những nhu cầu cơ bản của khách du lịch (DL); tâm trạng, sở thích; những nét đặc trưng trong tâm lý của khách du lịch; quan hệ giữa người phục vụ và người tiêu dùng du lịch; giao tiếp trong DL. Bước đầu hình thành kỹ năng phân tích, nhận xét, đánh giá, lý giải các tình huống của khách du lịch và đưa ra cách giải quyết phù hợp. Nhận thấy ý nghĩa của tâm lý học du lịch trong hoạt động ngành nghề sau này, từ đó có thái độ học tập nghiêm túc.</p>
71	<p>Tâm lý học ứng xử: 2 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương</p> <p>Môn học cung cấp các kiến thức lý luận và thực tiễn về ứng xử; các khái niệm và yêu cầu cơ bản trong quá trình giao tiếp, ứng xử; cách phân loại các kiểu ứng xử dựa trên những tiêu chí cụ thể; hiểu được các phương thức ứng xử trong thực tiễn như ứng xử trong gia đình, ứng xử học đường, ứng xử nơi công sở... Qua đó, sinh viên có thể khái quát hóa về khái niệm ứng xử, bản chất của</p>

	<p>ứng xử, các kiểu ứng xử; xác định, đánh giá các kiểu ứng xử trong thực tiễn và vận dụng linh hoạt các yêu cầu cơ bản về ứng xử trong giao tiếp thực tiễn; lựa chọn phương thức ứng xử phù hợp trong từng tình huống, từng hoàn cảnh cụ thể. Tích cực lĩnh hội và vận dụng những kiến thức Tâm lý học ứng xử vào công tác giảng dạy, giáo dục; trau dồi và phát triển nghề nghiệp liên tục.</p>
72	<p>Tâm lý học y học: 2 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương</p> <p>Giúp sinh viên nắm được hệ thống tri thức cơ bản về tâm lý học y học; những phản ứng của bệnh nhân và gia đình trước căn bệnh, những yếu tố tâm lý trong việc thông báo tin bệnh cho bệnh nhân và người thân của bệnh nhân; mối quan hệ giữa thầy thuốc và bệnh nhân, vấn đề Stress, Burn - out của nhân viên y tế. Qua đó có thể chủ động phòng ngừa và giải quyết hiệu quả những vấn đề tâm lý phát sinh trong hoạt động y khoa, giúp chăm sóc sức khỏe tinh thần một đúng cách, tích cực, chủ động.</p>
73	<p>Tâm lý học tư pháp: 2 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương</p> <p>Giúp sinh viên nắm được hệ thống tri thức cơ bản về tâm lý học tư pháp; đặc điểm tâm lý của những người liên quan đến hoạt động tư pháp; cơ sở tâm lý của các hoạt động tư pháp: điều tra, xét xử, cải tạo và những vấn đề cơ bản trong tâm lý học tội phạm. Qua đó có thể giải quyết những vấn đề trong hoạt động tư pháp, giúp phòng ngừa, ngăn chặn hành vi phạm tội cũng như nâng cao ý thức thượng tôn pháp luật.</p>

10. SO SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo ngành Tâm lý học đã được đối sánh về CDR và nội dung đào tạo với các trường đại học làm cơ sở đánh giá, cải tiến, phát triển CTĐT gồm:

Nội dung	CTĐT Tâm lý học năm 2022 của Trường Đại học Tân Trào	CTĐT Tâm lý học năm 2020 của Trường ĐH Khoa học xã hội và Nhân văn Hà Nội	CTĐT Tâm lý học năm 2021 của Trường ĐH Hồng Đức
Tên chương trình	Tâm lý học	Tâm lý học	Tâm lý học
Loại hình đào tạo	Chính quy	Chính quy	Chính quy
Thời gian đào tạo	04	04	04
Tổng số tín chỉ/ Số học phần: (không tính phần	130	142	124

<i>giáo dục thể chất và quốc phòng - an ninh</i>). Trong đó:			
- Khối kiến thức giáo dục đại cương	28/130	16/142	39/124
- Khối kiến thức cơ sở của ngành	22/130	29/142	5/124
- Khối kiến thức ngành	24/130	27/142	41/124
- Khối kiến thức chuyên ngành	42/130	15/142	28/124
- Thực tập/ Thực hành nghề nghiệp/Đề án môn học	8/130	3/142	4/124
- Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp	6/130	5/142	7/124

Từ các kết quả đối sánh trên có thể thấy: các thông số, tiêu chí và nội dung học phần trong chương trình đào tạo ngành Tâm lý học của Trường ĐH Tân Trào với Trường ĐH Khoa học xã hội và Nhân văn Hà Nội, và Trường ĐH Hồng Đức chênh lệch nhau 10 tín chỉ (130 -142-124). Tuy nhiên CTĐT của mỗi trường đều có những điểm nổi bật phù hợp mới mục tiêu đào tạo, cụ thể:

1. CTĐT của Trường ĐHTT có ưu điểm là *Mục tiêu đào tạo* rõ ràng, *Chuẩn đầu ra* chi tiết và được phân thành các yêu cầu mục cụ thể đảm bảo cho việc hình thành và củng cố các kỹ năng cần thiết và chuyên sâu cho người học để có thể đáp ứng một cách tốt nhất yêu cầu của ngành, xã hội sau khi tốt nghiệp như: *Về kiến thức* (Kiến thức chung; Kiến thức chuyên ngành); *Về kỹ năng* (Kỹ năng cứng; Kỹ năng mềm); *Về thái độ*; *Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp*; *Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường*. CTĐT còn thể hiện rõ ma trận các học phần; Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo; thời gian đào tạo; đối tượng tuyển sinh; quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp; thang điểm. Đây là những mục không được thể hiện rõ trong CTĐT của trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn Hà Nội và Đại học Hồng Đức.

2. So sánh CTĐT giữa Trường ĐH Tân Trào, Trường ĐH Khoa học xã hội và Nhân văn Hà Nội và Đại học Hồng Đức:

- Về tổng số tín chỉ: Số tín chỉ trong CTĐT của Trường ĐH Tân Trào tương đương với số tín chỉ trong CTĐT của Trường ĐH Khoa học xã hội và Nhân văn Hà Nội; đồng thời, CTĐT của Trường ĐH Tân Trào tăng 6 tín chỉ so với Đại học Hồng Đức. Khối kiến thức chuyên ngành và thời gian đi thực tập nhiều hơn so với ĐH Hồng Đức. Tuy có sự chênh lệch về số tín chỉ nhưng các khối kiến thức trong chương trình của mỗi Nhà trường có những ưu điểm riêng trong việc xác định và lựa chọn các học phần.

- Trong CTĐT của Trường Đại học Tân Trào, các học phần thuộc khối kiến thức đại cương có số tín chỉ gần tương đương với các Trường được đối sánh. Điều này

cho phép sinh viên có nền tảng kiến thức sâu; đồng thời, được lựa chọn các học phần phù hợp với năng lực của bản thân.

- Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của cả 3 CTĐT của 3 trường đều chiếm số lượng lớn. Các phân chia các khối kiến thức trong CTĐT của Trường Đại học Tân Trào cho phép SV được trang bị những khối kiến thức cụ thể. Đặc biệt, bên cạnh các học phần bắt buộc số lượng các nhóm học phần tự chọn đa dạng. Các học phần kiến thức chuyên ngành là những học phần nhằm củng cố và khắc sâu thêm kiến thức nền tảng, giúp sinh viên có thể học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ ở những cấp học cao hơn.

11. PHÊ DUYỆT BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO/THỜI ĐIỂM ĐIỀU CHỈNH BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Tâm lý học (chuyên ngành Tham vấn tâm lý) đã được xây dựng/điều chỉnh, kiểm tra, phê duyệt và ban hành theo đúng quy trình, quy định của Trường Đại học Tân Trào.

Thời điểm phê duyệt theo Quyết định số 686/QĐ-ĐHTTr, ngày 8/9/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào.